

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIẢM NGHÈO TẠI XÃ
XÁ NHÈ, TỬA CHÙA, ĐIỆN BIÊN**

NGÀNH : KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Ngô Thị Thủy

Sinh viên thực hiện : Mùa A Thanh

Mã sinh viên : 1654020786

Lớp : K61 -KTNN

Khóa học : 2016 - 2020



Hà Nội, 2020

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài thực tập “ Thực trạng giảm nghèo tại xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên” tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến: Toàn thể các thầy, cô giáo trường Đại Học Lâm Nghiệp nói chung, thầy cô giáo khoa kinh tế và quản trị kinh doanh nói riêng đã nhiệt tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức cơ sở lý luận rất quý giá giúp cho tôi nâng cao được nhận thức trong quá trình thực tập cũng như quá trình nghiên cứu.

Đặc biệt là cô giáo hướng dẫn Ngô Thị Thủy đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, dìu dắt tôi trong suốt quá trình thực tập và hoàn thành đề tài này.

Tôi xin cảm ơn các bác, cô, chú, anh, chị ở UBND tại xã Xá Nhè và bà con tại địa phương đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong việc thu thập số liệu và áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

Xá Nhè tháng 4 năm 2020

Sinh Viên

Mùa A Thanh



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
CHƯƠNG I CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGHÈO VÀ GIẢM NGHÈO	4
1.1 Khái niệm, chỉ tiêu và chuẩn mực xác định đói nghèo của thế giới.....	4
1.1.1. Khái niệm nghèo	4
1.2 Khái niệm, chỉ tiêu và chuẩn mực xác định đói nghèo của Việt Nam	8
1.2.1. Khái niệm về nghèo đói, của Việt Nam	8
1.2.2 Chuẩn mực xác định đói nghèo của Việt Nam	9
1.3 Nguyên nhân của các hộ nghèo	12
1.4 Sự cần thiết phải giảm nghèo.....	14
1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo	16
CHƯƠNG II ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN XÃ XÁ NHÈ, HUYỆN TỬA CHÙA TỈNH ĐIỆN BIÊN.....	19
2.1. Điều kiện tự nhiên	19
2.1.1. Vị trí địa lý	19
2.1.2 Địa hình.....	19
2.1.3. Khí hậu, thủy văn	20
2.1.4. Tài nguyên đất đai	20
2.2 Tình hình kinh tế - xã hội	22
2.2.1 Dân số, lao động.....	22
2.2.2 Văn hóa, giáo dục.....	23
2.2.3 Cơ sở hạ tầng.....	24
2.2.4. Tình hình y tế	25
2.2.5. Tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã Xá Nhè.	26
2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã Xá Nhè.....	27

CHƯƠNG III THỰC TRẠNG GIẢM NGHÈO TẠI XÃ XÁ NHÈ, HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN.....	30
3.1 Thực trạng hộ nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 – 2019.	30
3.1.1. Số lượng hộ nghèo và cận nghèo	30
3.1.2. Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập:	33
3.1.4. Số lượng hộ nghèo theo các nhóm đối tượng.....	38
3.2. Các chính sách nhằm giảm nghèo tại xã Xá Nhè.	45
3.2.1.Chính sách hỗ trợ giống, vật tư sản xuất.....	45
3.2.2. Chính sách vay vốn tín dụng, ưu đãi cho người nghèo.....	47
3.2.3.Chính sách hỗ trợ khác	49
3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo tại xã Xá Nhè.....	50
3.3.1 Nhóm nguyên tố thuộc về điều kiện tự nhiên.....	50
3.3.2Nhóm nhân tố kinh tế-xã hội	52
3.4. Một số giải pháp nhằm góp phần giảm nghèo tại xã Xá Nhè.	53
3.4.1. Giải pháp chung.....	53
3.4.2 Giải pháp cụ thể.....	54
3.5. Kiến nghị.....	57
KẾT LUẬN.....	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO	



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
BQ	Bình quân
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BTXH	Bảo trợ xã hội
DTTS	Dân tộc thiểu số
GTSX	Giá trị sản xuất
GD - TE	Giáo dục – Trẻ em
KHKT	Khoa học kỹ thuật
KT - XH	Kinh tế - Xã hội
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo



DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Xác định nghèo đa chiều ở Việt Nam	10
Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất của xã Xá Nhè năm 2019	21
Bảng 2.2. Hiện trạng dân số lao động tại xã Xá Nhè năm 2019	23
Bảng 2.3 Giá trị sản xuất xã Xá Nhè giai đoạn 2017-2019	26
Bảng 3.1 Hộ nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 - 2019	31
Bảng 3.2 Hộ cận nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 - 2019	32
Bảng 3.3 Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập xã Xá Nhè.	33
Bảng 3.4.: Số lượng hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản	35
Bảng 3.5. Số lượng hộ nghèo theo các nhóm đối tượng tại xã Xá Nhè	39
Bảng 3.6 Thành tựu và hạn chế đạt được trong công tác giảm nghèo tại xã Xá Nhè.	41
Bảng 3.7. Hỗ trợ vốn vay cho hộ nghèo giai đoạn 2017-2019	47
Bảng 3.8. Kết quả hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ y tế	49



ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Nghèo đói là vấn đề xã hội mang tính toàn cầu, nó không chỉ diễn ra ở các nước chậm phát triển với nền kinh tế lạc hậu mà còn diễn ra ở các nước đang phát triển. Trong bối cảnh thế giới bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu, làm cho sản xuất đình trệ, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm thì vấn đề nghèo đói lại càng tăng nhanh. Việt Nam là một nước đang phát triển vì vậy công tác giảm nghèo vẫn luôn là mục tiêu nhận được sự quan tâm rất lớn của cả nước. Việt Nam đã đặt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân cả nước là 1% - 1.5%/năm và riêng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm. Đo lường nghèo theo cách tiếp cận đa chiều, bao gồm cả thu nhập và các chiều phi tiền tệ như nhà ở, tiếp cận nước sạch và vệ sinh, dịch vụ giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội đã được sử dụng trong thiết kế Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong quá trình rà soát hộ nghèo để xác định đối tượng hưởng lợi của Chương trình, cũng như các chính sách giảm nghèo và trợ giúp xã hội để giúp xóa đói giảm nghèo hiệu quả và bền vững.

Xã Xá Nhè, Huyện Tủa Chùa Tỉnh Điện Biên là một xã vùng cao chủ yếu là người dân tộc thiểu số nằm trong vùng có điều kiện phát triển kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp, giao thông đi lại khó khăn chưa hội nhập kịp thời, áp dụng được khoa học và công nghệ vào sản xuất. Vì vậy việc nghiên cứu một cách có hệ thống về công tác giảm nghèo, tìm ra những mặt được và chưa được trong quá trình thực hiện đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện các công tác giảm nghèo có hiệu quả hơn trong những giai đoạn tiếp theo ở xã xá nhè, Huyện Tủa Chùa có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Xuất phát từ những lý do trên, em đã chọn và nghiên cứu đề tài nghiên cứu : ***“Thực trạng giảm nghèo tại Xã Xá Nhè, Huyện Tủa Chùa, Tỉnh Điện Biên”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tiêu tổng quát

Phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới giảm nghèo trên địa bàn xã từ đó đề xuất giải pháp nhằm xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về giảm nghèo.
- Phân tích đặc điểm cơ bản tại địa bàn xã Xá Nhè.
- Phân tích yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề nghèo tại xã Xá Nhè.
- Đề ra một số giải pháp giảm nghèo cho các hộ nghèo.
- Phân tích thực trạng giảm nghèo trên địa bàn xã Xá Nhè, Huyện Tủa Chùa, Tỉnh Điện Biên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

- Công tác giảm nghèo tại xã Xá Nhè, Huyện Tủa Chùa, Tỉnh Điện Biên

3.2 phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung

Nghiên cứu thực trạng đói nghèo trên địa bàn xã Xá Nhè

- Phạm vi về thời gian

Thu thập số liệu các năm 2017, 2018 và 2019

- Phạm vi về không gian

Xã Xá Nhè, Huyện Tủa Chùa, Tỉnh Điện Biên

4. Nội dung nghiên cứu

- Hệ thống cơ sở lý luận về giảm nghèo
- Đặc điểm cơ bản của xã Xá Nhè
- Thực trạng nghèo đói của xã Xá Nhè.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp, thông tin qua nguồn tài liệu, thông qua nguồn tài liệu đã công bố bao gồm tài liệu từ sách báo, tạp chí, luận văn, các bài viết và các

tư liệu trên mạng internet có liên quan, niên giám thống kê, báo cáo của xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

5.2 Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này được dùng để mô tả các chỉ tiêu về tình hình đói nghèo trên địa bàn xã. Phương pháp này cho phép xác định các chỉ tiêu như: giá trị bình quân của thu nhập, kinh tế, tình hình nghèo đói trên địa bàn xã Xá Nhè.

Phương pháp thống kê so sánh: Sử dụng phương pháp thống kê so sánh số liệu biến động qua các năm, tìm hiểu tình hình biến động tăng trưởng, nghèo đói qua các năm. So sánh với tình trạng nghèo, thu nhập của các hộ qua các năm.

6. Bố cục khóa luận

Ngoài phần đặt vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo khóa luận bao gồm 3 chương.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGHÈO VÀ GIẢM NGHÈO.

CHƯƠNG II: ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN XÃ XÁ NHÈ, HUYỆN TỦA CHÙA TỈNH ĐIỆN BIÊN.

CHƯƠNG III: THỰC TRẠNG GIẢM NGHÈO TẠI XÃ XÁ NHÈ, HUYỆN TỦA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN



CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGHÈO VÀ GIẢI NGHÈO

1.1 Khái niệm, chỉ tiêu và chuẩn mực xác định đói nghèo của thế giới

1.1.1. Khái niệm nghèo

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều quan điểm khác nhau khi nghiên cứu vấn đề nghèo ở thành thị và nông thôn. Vậy như thế nào là nghèo đói? Xác định và đánh giá như thế nào? Những câu hỏi đang đặt ra cho giới nghiên cứu cũng như nhà hoạch định ở mọi quốc gia.

Đói nghèo là một hiện tượng kinh tế xã hội mang tính chất toàn cầu. Nó không chỉ tồn tại ở các quốc gia có nền kinh tế kém phát triển, mà nó còn tồn tại ngay tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, thể chế chính trị xã hội và điều kiện kinh tế của mỗi quốc gia mà tính chất, mức độ nghèo đói của từng quốc gia có khác nhau. Nhìn chung mỗi quốc gia đều sử dụng một khái niệm để xác định mức độ nghèo khổ và đưa ra các chỉ số nghèo khổ để xác định giới hạn nghèo khổ. Giới hạn nghèo khổ của các quốc gia được xác định bằng mức thu nhập tối thiểu để người dân có thể tồn tại được, đó là mức thu nhập mà một hộ gia đình có thể mua sắm được những vật dụng cơ bản phục vụ cho việc ăn, mặc, ở và các nhu cầu thiết yếu khác theo mức giá hiện hành.

Các khái niệm về nghèo đói được các tổ chức quốc tế nêu như sau:

Ngân hàng thế giới (WB) đưa ra khái niệm về đói nghèo là: Đói nghèo là sự thiếu hụt không thể chấp nhận được trong phúc lợi xã hội của con người, bao gồm cả khía cạnh sinh lý học và xã hội học. Sự thiếu hụt về sinh lý học là không đáp ứng đủ nhu cầu về vật chất và sinh học như dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục và nhà ở. Sự thiếu hụt về mặt xã hội học liên quan đến các vấn đề như bình đẳng, rủi ro và được tự chủ, tôn trọng trong xã hội.

Tổ chức Y Thế giới (WHO) đã đưa ra khái niệm về nghèo thu nhập là: Nghèo diễn tả sự thiếu cơ hội có thể sống một cuộc sống tương ứng với các tiêu chuẩn tối thiểu nhất định.

Thước đo các tiêu chuẩn tối thiểu để xác định nghèo thay đổi tùy theo từng vùng, từng địa phương và theo các giai đoạn thời gian. Có thể được hiểu một người là nghèo khi thu nhập hàng tháng của họ thấp hơn một nửa thu nhập bình quân theo người trên tháng của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, các tiêu chí và chuẩn mực đánh giá, phân loại sự nghèo đói còn phụ thuộc và từng vùng, từng điều kiện lịch sử nhất định.

Liên hợp Quốc đã đưa ra hai khái niệm về nghèo, đó là nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối như sau:

Nghèo tuyệt đối: là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng những nhu cầu cơ bản tối thiểu. Nhu cầu cơ bản tối thiểu cho cuộc sống là những đảm bảo mức tối thiểu về ăn, mặc, ở, giao tiếp xã hội, vệ sinh, y tế và giáo dục. Ngoài những nhu cầu cơ bản trên, cũng có ý kiến cho rằng nhu cầu tối thiểu bao gồm quyền được tham gia vào các quyết định của cộng đồng.

Nghèo tương đối: là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng và ở một thời kỳ nhất định. Nghèo tương đối phát triển theo không gian và thời gian nhất định tùy thuộc vào mức sống chung của xã hội. Như vậy, nghèo tương đối gắn liền với sự chênh lệch về mức sống của một bộ phận dân cư so với mức sống trung bình của địa phương ở một thời kỳ nhất định.

Từ những đánh giá trên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng việc xoá dần nghèo tuyệt đối là công việc có thể làm, còn nghèo tương đối là hiện tượng thường gặp trong xã hội và vấn đề cần quan tâm là làm sao rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu nghèo và hạn chế sự phân hoá giàu nghèo.

Thực tế cho thấy có sự không thống nhất về quan điểm, khái niệm và với từng quốc gia khác nhau sẽ có chuẩn mực đánh giá khác nhau. Vì thế, trên cơ sở thống nhất chung về mặt định tính, cần phải xác định thước đo mức nghèo đói với mỗi quốc gia mỗi vùng, mỗi địa phương.

Tại hội nghị bàn về xoá đói giảm nghèo do ESCAP tổ chức tại Băng Cốc Thái Lan tháng 9.1993 đã đưa ra khái niệm về nghèo đói như sau:

“ Đói nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của các địa phương”.

Ở Việt Nam căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội và mức thu nhập của nhân dân trong những năm qua thì khái niệm đói nghèo được xác định như sau.

Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có những điều kiện thoả mãn những nhu cầu tối thiểu và cơ bản nhất trong cuộc sống vì có mức sống thấp hơn mức sống của cộng đồng xét trên mọi phương diện.

Một cách hiểu khác: *Nghèo* là một bộ phận dân cư có mức sống dưới ngưỡng quy định của sự nghèo. Nhưng ngưỡng nghèo còn phụ thuộc vận đặc điểm cụ thể của từng địa phương, từng thời kỳ cụ thể hay từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội cụ thể của từng địa phương hay từng quốc gia.

Ở Việt Nam nghèo thì được chia thành các mức khác nhau: nghèo tuyệt đối, nghèo tương đối, nghèo có nhu cầu tối thiểu.

- Nghèo tuyệt đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư thuộc diện nghèo không có khả năng thoả mãn nhu cầu tối thiểu của cuộc sống: cơm ăn không đủ no, áo không đủ mặc, nhà cửa không bảo đảm chống mưa nắng, thiên tai bão lũ...không so sánh với ai khác, nhưng bản thân họ không đủ lượng calo cần thiết để duy trì cuộc sống.

- Nghèo tương đối: là tình trạng một bộ phận dân cư thuộc diện nghèo có mức sống dưới mức sống trung bình của cộng đồng và địa phương đang xét.

- Nghèo có nhu cầu tối thiểu: Đây là tình trạng một bộ phận dân cư có những đảm bảo tối thiểu để duy trì cuộc sống như đủ ăn, đủ mặc, đủ ở và một số sinh hoạt hàng ngày nhưng ở mức tối thiểu.

Từ những đánh giá trên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng việc xóa đói giảm nghèo tuyệt đối là công việc có thể làm, còn nghèo tương đối là hiện

tượng thường gặp trong xã hội và vấn đề cần quan tâm là làm sao rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu nghèo và hạn chế sự phân hoá giàu nghèo.

Hiện nay, Việt Nam đã thừa nhận khái niệm chung về nghèo do Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Cốc, Thái tháng 9/1993: *“Đói nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các địa phương”*.

Tương tự như vậy, có thể định nghĩa nghèo là tình trạng bị thiếu thốn ở nhiều phương diện, thu nhập hạn chế, hoặc thiếu cơ hội tạo thu nhập, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng trong những lúc khó khăn và dễ bị tổn thương trước những đột biến bất lợi, ít có khả năng tham gia vào các quyết định liên quan đến bản thân.

Như vậy, nghèo ở Việt Nam không chỉ được nhìn nhận ở phương diện thiếu thốn những nhu cầu vật chất tối thiểu như ăn mặc, giáo dục, y tế mà ở cả phương diện thiếu những cơ hội tạo thu nhập, dễ bị tổn thương, ít có khả năng tham gia vào việc ra các quyết định liên quan đến bản thân.

- **Giảm nghèo:**

“Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” là mục tiêu hướng đến của đất nước ta, nhưng để đạt được điều đó thì yêu cầu công tác giảm nghèo phải được chú trọng. Giảm nghèo ở đây bao gồm cả xóa đói và phải thực hiện giảm nghèo nhưng không tái sinh lại, tức là giảm nghèo bền vững.

Giảm nghèo được xem là chủ trương, định hướng của sự phát triển của đất nước, một đất nước không thể phát triển khi người dân còn nghèo đói.

Giảm nghèo không có khái niệm rõ ràng mà đó là mục đích, được hiểu ngay trên nghĩa tường minh của từ là “giảm nghèo” căn cứ trên tiêu chuẩn xác định nghèo.

Có thể hiểu về giảm nghèo như sau:

Giảm nghèo là sự gia tăng về mức tiếp cận các dịch vụ xã hội của người dân, từ lựa chọn ít sang lựa chọn nhiều, từ thiếu thốn sang hoàn thiện, đầy đủ.

Giảm nghèo tức là đời sống người dân được nâng lên, từ nghèo bước sang thoát nghèo rồi nâng lên mức khá, mức giàu.

Bên cạnh đó, còn có các khái niệm liên quan đến giảm nghèo:

Đối với giảm nghèo của hộ nghèo: Tức là tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của hộ gia đình.

Đối với vùng nghèo/ xã nghèo: Tức là giảm số lượng, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn.

Bản chất của nghèo căn cứ trên mức thu nhập và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội thì giảm nghèo tức là tăng mức thu nhập và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của hộ nghèo.

1.2 Khái niệm, chỉ tiêu và chuẩn mực xác định đói nghèo của Việt Nam

1.2.1. Khái niệm về nghèo đói, của Việt Nam

Việt Nam là một nước nghèo, thu nhập bình quân đầu người thấp, đầu những năm 90 mức thu nhập chỉ đạt trên dưới 200 USD/người/năm. Đến đầu năm 1997 mới đạt 320 USD/người/năm (2006 trên 600 USD), tuy nhiên so với thế giới và khu vực thì vẫn còn quá thấp. Chính vì vậy, qua nhiều cuộc điều tra, khảo sát, nghiên cứu các nhà nghiên cứu quản lý ở các Bộ, ngành đã đi đến thống nhất cần có khái niệm riêng, chuẩn mực riêng cho nghèo đói như sau:

- Hộ nghèo: Là tình trạng một bộ phận hộ gia đình có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng (thiếu ăn nhưng không vút bữa, mặc không lành, không đủ ấm, không có khả năng phát triển sản xuất).

- Hộ đói: Là tình trạng một bộ phận hộ gia đình không có khả năng thoả mãn các nhu cầu tối thiểu nhằm duy trì cuộc sống (cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, con cái thất học, ốm đau không có tiền chữa trị, nhà ở bằng tranh tre vách đất).

Nhu cầu thiết yếu gồm 3 yếu tố: ăn, mặc, ở.

Nhu cầu sinh hoạt hàng ngày gồm 5 yếu tố văn hoá, giáo dục, y tế, đi lại, giao tiếp.

Nhu cầu tối thiểu, mức cụ thể của nhu cầu tối thiểu phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế của từng vùng, từng quốc gia theo từng thời kỳ.

1.2.2 Chuẩn mực xác định đói nghèo của Việt Nam

Tại Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện việc điều tra, khảo sát các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, nghiên cứu và đề xuất với Chính phủ, căn cứ vào đề xuất đó Chính phủ công bố mức chuẩn nghèo cho từng giai đoạn.

Từ năm 1993 đến nay Việt Nam đã có 7 lần thay đổi chuẩn nghèo, các mức chuẩn nghèo của Việt Nam trong 3 giai đoạn đầu: giai đoạn 1993 - 1994, giai đoạn 1995 - 1997 và giai đoạn 1998 - 2000 chúng ta sử dụng mức chuẩn nghèo theo thu nhập bình quân đầu người trên tháng nhưng được tính quy đổi bằng gạo (kg/người /tháng); mức chuẩn nghèo các giai đoạn 2001 - 2005 và giai đoạn 2006 - 2010 vẫn được tính theo thu nhập bình quân đầu người trên tháng nhưng được tính bằng giá trị (đồng/ người/tháng), mức chuẩn hộ nghèo trong giai đoạn 2011 - 2015 là hộ có mức thu nhập bình quân đến 400.000 đồng/người tháng ở khu vực nông thôn và đến 500.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị. Chuẩn hộ cận nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

Giai đoạn từ 2016–2020, Căn cứ Quyết định 59/2015/QĐ-TTg. Chúng ta sử dụng tiêu chí thu nhập và tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình áp dụng như sau:

+ Khu vực nông thôn là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

Có thu nhập bình quân đầu người tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

Có thu nhập bình quân đầu người /tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- + Khu vực thành thị là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:
 Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;
 Có thu nhập bình quân đầu người/ tháng trên 900.000 đồng đến 1,300,000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.
- Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:
- + Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.
- + Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt bao gồm: trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin. Ngưỡng thiếu hụt đa chiều đối với một hộ gia đình là từ 1/3 tổng điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Bảng 1.1. Xác định nghèo đa chiều ở Việt Nam

Chiều nghèo	Chỉ số đo lường	Mức độ thiếu hụt	Cơ sở pháp lý
1) Giáo dục	1.1 Trình độ giáo dục người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học	Hiến pháp 2013 NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Nghị quyết số 41/2000/QH (bổ sung bởi Nghị định số 88/2001/NĐ-CP)
	1.2 Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - 14 tuổi) hiện không đi học	Hiến pháp 2013. Luật Giáo dục 2005. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề

			chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
2) Y tế	2.1 Tiếp cận các dịch vụ y tế	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (ốm đau được xác định là bị bệnh/ chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/học không tham gia được các hoạt động bình thường)	Hiến pháp 2013. Luật Khám chữa bệnh 2011.
	2.2 Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế.	Hiến pháp 2013. Luật bảo hiểm y tế 2014. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
3) Nhà ở	3.1. Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ (Nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ)	Luật Nhà ở 2014. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
	3.2 Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn	Luật Nhà ở 2014. Quyết định 2127/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ

		8m ²	Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
4) Điều kiện sống	4.1 Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh	NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
	4.2. Hồ xí/nhà vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
5) Tiếp cận thông tin	5.1 Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet	Luật Viễn thông 2009. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
	5.2 Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: Tivi, đài, máy vi tính; và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn	Luật Thông tin Truyền thông 2015. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2015

1.3 Nguyên nhân của các hộ nghèo

Đói nghèo do nhiều nguyên nhân gây nên, có cả chủ quan và khách quan. Để nhận biết một cách đầy đủ chúng ta có thể chia thành 3 nhóm nguyên nhân:

Nhóm 1: Gồm những nguyên nhân chủ quan thuộc về bản thân người lao động. Kém hiểu biết về cách thức làm ăn, hộ sản xuất lạc hậu. Thiếu hoặc không có vốn để sản xuất. Đông con, ít lao động. Rủi ro, ốm đau, bệnh tật. Thiếu tư liệu sản xuất cần thiết, thiếu việc làm, ăn tiêu không có kế hoạch, lười biếng, mắc bệnh tệ nạn xã hội.

Nhóm 2: Thuộc về điều kiện tự nhiên.

Đất đai dùng cho thâm canh cây lúa, diện tích bình quân đầu người thấp. Đất đai cằn cỗi, chưa chủ động hoàn toàn về nước. Thời tiết khí hậu khắc nghiệt gây khó khăn cho sản xuất, cụ thể như hạn hán, bão lụt thường xuyên xảy ra kèm theo gió Lào, mưa phùn kéo dài,... Xa trung tâm kinh tế của tỉnh, giao thông đi lại khó khăn cách trở.

Nhóm 3: Gồm những yếu tố xã hội tác động.

- Hậu quả của chiến tranh để lại gây ảnh hưởng đến sản xuất phát triển kinh tế.

- Nhà nước chưa có biện pháp đầu tư đúng mức để xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng cần thiết phục vụ sản xuất trong khi đó địa phương không có đủ khả năng để tự làm như cầu đường giao thông.

- Nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội chưa có biện pháp hữu hiệu để chuyển những thông tin cần thiết đến tận người dân, cụ thể như: các biện pháp kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi, cách thức làm ăn, mở rộng ngành nghề mới, các chủ trương chính sách nhất là chính sách kinh tế...

Những năm trở lại đây, Chính phủ đã dành một số chương trình đầu tư cho vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc nói chung và huyện Bình Liêu nói riêng như: Chương trình 135, 134, nước sạch vệ sinh môi trường, kiên cố hóa trường học, cấp phát thẻ BHYT cho người dân...như cơ chế hỗ trợ đầu tư còn có nhiều bất cập như: đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu tập trung, chưa đủ độ và thiếu sự liên kết giữa các chương trình dự án. Quy trình, thủ tục đầu tư còn rườm rà, đầu mối chỉ đạo dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp, kém phát huy tác dụng.

Một số chính sách, cơ chế trợ giúp kéo dài, chậm đổi mới như chính sách trợ giá, trợ cước, tuyển cử, cấp sách vở học sinh, cấp tạp chí và báo cho các cán bộ. Chậm đổi mới tạo nên tâm lý ỷ lại, trông chờ của người dân, chính quyền của huyện. Bên cạnh đó, có một số chính sách trợ giúp thì đúng nhưng cơ chế cho thực hiện chưa phù hợp dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao như chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn về nhà ở (chương trình 134).

1.4 Sự cần thiết phải giảm nghèo

Trong bối cảnh hiện nay, thế giới đang đổi thay mạnh mẽ, xu thế hội nhập và toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu không thể đảo ngược. Trong bối cảnh đó, nhiều nước, nhiều quốc gia, dân tộc đang có nhiều cơ hội đổi thay vì phát triển, có nhiều điều kiện để xây dựng một xã hội có nền kinh tế tăng trưởng cao và nhanh. Tuy nhiên cũng có rất nhiều quốc gia, dân tộc đang gặp phải thách thức to lớn như bất ổn xã hội, thất nghiệp và đói nghèo..., nên đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm hàng đầu đến phát triển một xã hội công bằng, dân chủ và tiến bộ. Đây chính là đòi hỏi khách quan của việc xây dựng một xã hội phồn vinh trong hiện tại và tương lai. Chính vì lẽ đó, nếu thiếu một trong hai mặt (kinh tế và xã hội) nêu trên thì xã hội đó khó có thể phát triển được hoặc phát triển không toàn diện, không bền vững. Xóa đói, giảm nghèo là chiến lược quan trọng của nhiều quốc gia.

Xuất phát từ điều kiện thực tế nước ta hiện nay, giảm nghèo về kinh tế là điều kiện tiên quyết để giảm nghèo về văn hoá, xã hội. Vì vậy, phải tiến hành thực hiện giảm nghèo cho các hộ dân sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, hải đảo và những vùng căn cứ kháng chiến cách mạng cũ. Nhằm phá vỡ thế sản xuất tự cung, tự cấp, độc canh, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế sản xuất nông nghiệp trên toàn quốc theo hướng sản xuất hàng hoá. Phát triển công nghiệp nông thôn, mở rộng thị trường nông thôn, tạo việc làm tại chỗ, thu hút lao động ở nông thôn vào sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ là con đường cơ bản để giảm nghèo ở nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn phải được xem như là một giải pháp hữu hiệu,

tạo bước ngoặt cho phát triển ở nông thôn, nhằm giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay.

Tiếp tục đổi mới nền kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá trên cơ sở nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Đó là con đường để cho mọi người vượt qua đói nghèo, để nhà nước có thêm tiềm lực về kinh tế để chủ động giảm nghèo. Đây là sự thể hiện tư tưởng kinh tế của Hồ Chủ Tịch: "Giúp đỡ người vươn lên khá, ai khá vươn lên giàu, ai giàu thì vươn lên giàu thêm". Thực hiện thành công chương trình giảm nghèo không chỉ đem lại ý nghĩa về mặt kinh tế là tạo thêm thu nhập chính đáng cho người nông dân ổn định cuộc sống lâu dài, mà xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế nông thôn còn là nền tảng, là cơ sở để cho sự tăng trưởng và phát triển một nền kinh tế bền vững, góp phần vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Hơn thế nữa nó còn có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị xã hội.

Giảm nghèo nhằm nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc tốt sức khoẻ nhân dân, giúp họ có thể tự mình vươn lên trong cuộc sống, sớm hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng, xây dựng được các mối quan hệ xã hội lành mạnh, giảm được khoảng trống ngăn cách giữa người giàu với người nghèo, ổn định tinh thần, có niềm tin vào bản thân, từ đó có lòng tin vào đường lối và chủ trương của đảng và Nhà nước. Đồng thời hạn chế và xoá bỏ được các tệ nạn xã hội khác, bảo vệ môi trường sinh thái.

Ngoài ra còn có thể nói rằng không giải quyết thành công các nhiệm vụ và yêu cầu giảm nghèo thì sẽ không chủ động giải quyết được xu hướng gia tăng phân hoá giàu nghèo, có nguy cơ đẩy tới phân hoá giai cấp với hậu quả là sự bất công hoá và do vậy sẽ đe doạ tình hình ổn định chính trị và xã hội làm chệch hướng XHCN của sự phát triển kinh tế - xã hội. Không giải quyết thành công các chương trình giảm nghèo sẽ không thể thực hiện được công bằng xã hội và sự lành mạnh xã hội nói chung. Như thế mục tiêu phát triển và phát triển bền vững sẽ không thể thực hiện được. Không tập trung nỗ lực, khả năng và điều kiện để xoá đói giảm nghèo sẽ không thể tạo được tiền đề để khai thác và phát triển nguồn lực con người phục vụ cho sự nghiệp CNH-

HDH đất nước nhằm đưa nước ta đạt tới trình độ phát triển tương đương với quốc tế và khu vực, thoát khỏi nguy cơ lạc hậu và tụt hậu.

1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo

- Sự phát triển kinh tế - xã hội:

Có thể thấy quy luật phát triển không đồng đều làm cho đời sống kinh tế - xã hội có sự phân chia rõ rệt giữa vùng nông thôn và thành thị, giữa vùng đồng bằng và vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Khi nền kinh tế phát triển một số bộ phận dân cư sẽ nắm bắt được cơ hội sẽ phát triển, giàu lên do thích nghi được với môi trường mới như ngược lại một số bộ phận không nhỏ sẽ không theo kịp sự phát triển và có thể bị tụt hậu, đất đai mất cơ hội sản xuất. Khi nhà nước ta thực hiện đổi mới xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền sản xuất hàng hóa các thành phần kinh tế hoạt động mở cửa và hội nhập, thực hiện CNH, HDH trong sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển.

Việc phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường khiến cho đại bộ phận các hộ nông dân ở nông thôn và vùng dân tộc thiểu số chưa thể thích nghi kịp thời, mặc dù nhà nước đã có các chính sách hỗ trợ như: trợ giúp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, vốn,... Sản xuất của các hộ dân vẫn còn nhiều hạn chế do tư liệu sản xuất còn mang tính thủ công lạc hậu, cơ chế thị trường còn nhiều bất cập vì thế sự phát triển kinh tế xã hội mặc dù là cơ hội nhưng cũng là thách thức và là yếu tố có tác động mạnh đến công tác giảm nghèo cho các hộ dân. Bên cạnh đó chính sách phát triển kinh tế đặt nặng phát triển công nghiệp nặng trong một thời gian dài cũng có mặt phiên diện của nó là làm ảnh hưởng lớn đến môi trường như: Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên cũng chính là nguyên nhân gây ra sự nghèo đói cho hộ dân.

- Chất lượng nguồn nhân lực:

Hộ dân nghèo và người nghèo nói chung vừa là chủ thể và là khách thể của quá trình giảm nghèo. Tuy nhiên đại bộ phận người nghèo đều ở vùng nông thôn, có trình độ dân trí thấp. Bản thân hộ nghèo và cộng đồng người nghèo chưa ý thức được ý nghĩa then chốt, tầm quan trọng cũng như nội dung

của việc thoát nghèo. Họ là những người lao động bằng chân tay, lao động thô, lao động có trình độ thấp vì thế ý thức vươn lên để thoát nghèo ở của họ chưa có. Để đạt được mục tiêu xóa đói giảm nghèo cần có sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng cần phải có sự chủ động, tính tích cực của hộ nghèo được thể hiện thông qua ý thức vươn lên tự thoát nghèo của họ. Nếu không có sự chủ động này thì mọi sự hỗ trợ từ bên ngoài cho giảm nghèo sẽ không đạt hiệu quả, thậm chí còn có tác dụng tiêu cực đó là tạo ra tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ, thụ động trong vươn lên thoát nghèo.

Do đặc điểm các hộ dân nghèo thường tập trung ở những vùng sâu, vùng khó khăn, lại mang nhiều tư tưởng cổ hủ, lạc hậu, không thích đổi mới nên để họ tự giác ý thức trong việc giảm nghèo là rất khó khăn và lâu dài. Do vậy, cần phải có những chính sách phù hợp, kết hợp với việc tuyên truyền, vận động các hộ dân nghèo tập trung các nguồn lực của bản thân bao gồm đất đai, lao động, tiền vốn và các yếu tố khác như các phong tục, tập quán, bản sắc văn hoá, vv..., chủ động tiếp nhận và sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để tạo ra nội lực vươn lên thoát nghèo, không bị tái nghèo. Và để công tác xóa đói giảm nghèo đạt được hiệu quả ổn định và lâu dài thì cần phải nâng cao trình độ cũng như nhận thức cho các hộ nông dân thông qua giáo dục như cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo nghề cho người lao động...

- *Trình độ khoa học - công nghệ, kết cấu hạ tầng:*

Trình độ khoa học - công nghệ cũng như kết cấu hạ tầng có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảm nghèo của một quốc gia trong đó kết cấu hạ tầng có vai trò quyết định.

Kết cấu hạ tầng là một bộ phận đặc thù của cơ sở vật chất kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân, đảm bảo những điều kiện chung cho sản xuất và tái sản xuất của xã hội. Và là nền tảng vật chất trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, quyết định đến trình độ phát triển của đất nước. Kết cấu hạ tầng phát triển cao thì sự bất bình đẳng về thu nhập trong xã hội càng giảm vì thế trình độ phát triển kết cấu hạ tầng có tác động mạnh đến

công tác xóa đói giảm nghèo của quốc gia. Ngược lại kết cấu hạ tầng thiếu và yếu sẽ gây sự ứ đọng trong luân chuyển các nguồn lực, khó hấp thu vốn đầu tư ảnh hưởng hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Chính vì vậy, việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đang là ưu tiên của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

Trong những năm qua Chính phủ Việt Nam đã đầu tư khoảng 9 -10 % GDP hàng năm để đầu tư vào giao thông, viễn thông, nước, vệ sinh. Đầu tư cho kết cấu hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông nông thôn đem đến tác động cao nhất đối với giảm nghèo ở Việt Nam. Như vậy có thể thấy yếu tố về kết cấu hạ tầng, trình độ khoa học là nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp nhất đến công tác xóa đói giảm nghèo.

- Các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về giảm nghèo

Để đạt được mục tiêu thực hiện giảm nghèo một cách hiệu quả và ổn định nhất thì vấn đề cần được quan tâm hàng đầu đó chính là các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp sẽ mang lại hiệu quả cao và tích cực, mà trong đó Nhà nước là nhân tố quan trọng, quyết định.

Đảng và Nhà nước đóng vai trò chủ đạo từ việc xây dựng chủ trương, ban hành các chính sách, xây dựng cơ chế điều hành, tạo nguồn vốn, và tổ chức thực hiện. Nhà nước sử dụng nguồn lực của đất nước như: Các chính sách thuế, phát triển công nghiệp thương mại, dịch vụ để hỗ trợ giảm nghèo cho các hộ nông dân. Các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước quyết định kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo của quốc gia.

CHƯƠNG II

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN XÃ XÁ NHÈ, HUYỆN TỬA CHÙA TỈNH ĐIỆN BIÊN

2.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý

Xã Xá Nhè nằm dọc theo Đường 129 từ Trung tâm xã cách trung tâm Huyện Tủa Chùa(Thị trấn Tủa Chùa) 10km. Xá Nhè và Quốc lộ 6 cách thành phố Điện Biên phủ 130km.

Tọa độ địa lý của xã như sau:

Tọa độ: 21°52'39"B 103°25'20"Đ

Ranh giới hành chính của xã:

Phía Bắc giáp: xã Tả phìn.

Phía Nam giáp: Huyện Tuần giáo.

Phía Đông giáp xã Mường Đun

Phía Tây giáp: huyện Tủa Chùa

2.1.2 Địa hình

Xá Nhè có địa hình đồi núi xen với các thung lũng hẹp tương đối bằng phẳng. Độ cao tuyệt đối của các thung lũng và đồi núi dao động từ 545m ở thung lũng thuộc địa phận bản xôm đến 1,9160m thuộc Bản hệ 1 và Sính Sủ 2. Địa hình có xu hướng thấp dần từ Tây Bắc xuống đông Nam. Chủ yếu là đồi núi gồm 3 dạng địa hình:

- *Dạng địa hình núi trung bình*

Là những dãy núi có độ cao trung bình từ 500m đến 700m phân bố chủ yếu dọc theo phía Bắc và phía Nam gần trung tâm xã từ Pàng Dề B xuống Pàng Dề A1

- *Dạng địa mạo đồng bằng thung lũng trước núi*

Diện tích khoảng 400 ha, đó chính là dải đất thung lũng hẹp kéo dài từ bản Lịch 2, bản Bản hệ 1 qua Bản hệ 2 đến Pàng A2 và Sính Sủ 2 với chiều rộng trung bình từ 60 m đến 300m, chỗ rộng nhất khoảng 400m thuộc khu Phiêng Quảng và Pàng Dề A1.

- *Dạng địa mạo núi cao*

Độ cao tuyệt đối trên 900m, diện tích khoảng 4500 ha. Phân bố ở phía nam của xã, giáp với Huyện Tủa Chùa. Các dãy núi ở đây có độ dốc lớn thường là trên 45° C. Ở khu vực này chủ yếu là rừng tự nhiên, đồi núi nơi trồng các cây ngắn ngày như ngô, lúa nương,... là sản xuất của bà con nông dân nơi đây.

2.1.3. Khí hậu, thủy văn

Xá Nhè nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới núi cao với đặc trưng của khí hậu vùng Tây Bắc có 2 mùa rõ rệt đó là mùa đông lạnh, mưa ít, mùa hè nóng, mưa nhiều.

- Nhiệt độ và ánh sáng

Nhiệt độ trung bình hàng năm $22,6^{\circ}\text{C}$ nhiệt độ trung bình tháng cao nhất $26,63^{\circ}\text{C}$ (tháng 6, tháng 7). Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất $8,0^{\circ}\text{C}$ (tháng 12, tháng 1, Biên độ nhiệt giữa ngày và đêm dao động lớn từ 6°C đến 12°C)

Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là $25,6^{\circ}\text{C}$ (tháng 6, tháng 7 và tháng 9). Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất là $6,0^{\circ}\text{C}$ (tháng 11, tháng 12 và đến tháng 1 năm sau)

Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là: $37,5$

Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối: 0°C

Biên độ nhiệt ngày và đêm dao động từ 6°C đến 12°C

Số lượng có sương muối bình quân trong năm : 25 ngày.

Tổng số giờ nắng trung bình năm khoảng 1.480 đến 1.800 giờ.

Nhìn chung khí hậu của xã thuận lợi cho một số loại cây trồng, cả cây nhiệt đới và ôn đới phát triển với các tiểu vùng khí hậu trong xã, do mùa đông khắc nghiệt và thiếu nước nên các hộ nông dân vẫn chưa tham gia đầy đủ vào vụ lúa xuân.

2.1.4. Tài nguyên đất đai

Tài nguyên tài nguyên đất xã Xá Nhè khá rộng lớn nhưng chủ yếu để phân bổ sản xuất các vùng luân canh thâm canh nông nghiệp và đất ở có thể nói tiềm năng cho phát triển mạnh hơn cách loại hình sản xuất khác để tạo

thêm việc làm gia tăng thu nhập hơn nữa cho người nông dân đặc biệt là các hộ gia đình còn khó khăn.

Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất của xã Xá Nhè năm 2019

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	6.116, 71	100,00
1	Đất nông nghiệp	5.723,81	93,57
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.712,64	77,04
1.1	Đất lâm nghiệp	989,49	0,16
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	21,35	0,34
2	Đất phi nông nghiệp	176,62	2,89
3	Đất chưa sử dụng	216,28	3,53

Nguồn: UBND xã Xá Nhè

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã là 6116,71 trong đó:

Với diện tích đất tự nhiên: 6.116,71 ha, mật độ dân số 121 người/km².

Diện tích đất sử dụng cho đất nông nghiệp chiếm nhiều nhất là 93,57 % còn lại là đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Đất phi nông nghiệp là 176,62 ha chiếm 2,89% trong đó đất ở, đất dùng cho giao thông, đất nghĩa trang, nghĩa địa ... còn lại là đất chưa sử dụng là 216,28 chiếm 3,53%.

Nhân dân trong xã, những năm qua đã thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển các loại rừng nhằm tạo cảnh quan, giữ cân bằng sinh thái, phòng chống xói mòn, rửa trôi đất; tạo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nhu cầu chất đốt cho nhân dân. Đất lâm nghiệp chiếm diện tích không lớn nhất (chỉ chiếm khoảng 0,16%). Trong đó diện tích đất rừng sản xuất ít, chủ yếu trồng cây Bạch Đàn và Keo. Rừng sản xuất được trồng bằng giống cây keo hạt ngoại, năng suất thu hoạch đạt 85m³/ha/chu kỳ.

Về nuôi trồng thủy sản xã đã tiến hành nuôi thả theo hình thức giải vụ, vượt đông, xen ghép; đánh bắt theo phương pháp khoa học để có sản phẩm

khai thác được nhiều tháng trong năm; Tuy nhiên, chưa xử lý tốt nguồn nước còn dễ gây ô nhiễm môi trường vùng nuôi. Đất nuôi trồng thủy sản chiếm 9,4 % diện tích đất nông nghiệp của xã, Nhân dân đã đầu tư nuôi thả theo hướng thâm canh, bán thâm canh bằng các giống thủy sản có năng suất, chất lượng trên diện tích vừa và nhỏ, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Mặc dù xã đã có quy hoạch sử dụng đất từng bước đi ổn định. Tuy nhiên vẫn còn một số bộ phận nhân dân sử dụng chưa hiệu quả nguồn tài nguyên đất đặc biệt là những hộ nghèo, thứ nhất là thiếu vốn đầu tư cho sản xuất, thứ 2 là phong tục tập quán sản xuất chưa hiệu quả, tự cung tự cấp hay nói cách khác họ chưa dám mạnh dạn đầu tư sợ rủi ro cao và canh tác lạc hậu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật một cách đạt hiệu quả vào sản xuất.

2.2 Tình hình kinh tế - xã hội

2.2.1 Dân số, lao động

Xã Xá Nhè có dân số đông nên nguồn lao động cũng dồi dào. Nhưng lao động của xã chủ yếu là lao động nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ hầu như là rất ít. Hiện trạng dân số - lao động xã Xá Nhè năm 2019 được thể hiện qua bảng 2.2.

Từ bảng 2.2 tổng hợp hiện trạng dân số lao động tại xã Xá Nhè thấy được là: Tổng số nhân khẩu là 6405 người, trong đó nam chiếm 45,94% tương ứng với 2,943 người, số khẩu nữ chiếm 54,05%. Tổng số hộ là 1,008 hộ, trong đó hộ nông nghiệp là 917 chiếm 90,98%, hộ phi nông nghiệp là 91 chiếm 9,02% và tổng số lao động là 4850, trong đó lao động nông nghiệp chiếm tối đa là 4485 người chiếm 92,47%, lao động phi nông nghiệp là 365 người chiếm 7,52%. Bên cạnh đó, chỉ tiêu bình quân một hộ có 6,35 khẩu, trong đó có số lao động bình quân của một hộ là 4,81 lao động và lao động nông nghiệp bình quân của một hộ là 4,45 lao động.

Bảng 2.2. Hiện trạng dân số lao động tại xã Xá Nhè năm 2019

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
I Tổng số nhân khẩu (người)	6.405	100
1 Nam	2.943	45,94
2 Nữ	3.462	54,05
II Tổng số hộ (hộ)	1.008	100
1 Hộ nông nghiệp	917	90,98
2 Hộ phi nông nghiệp	91	9,02
III Tổng số lao động	4850	100
1 Lao động nông nghiệp	4485	92,47
2 Lao động phi nông nghiệp	365	7,52
III Chỉ tiêu bình quân		
1 Khẩu/hộ (người/hộ)	6,35	
2 Lao động/hộ (người/hộ)	4,81	
3 Lao động nông nghiệp/hộ (người)	4,45	

Nguồn: UBND xã Xá Nhè

2.2.2 Văn hóa, giáo dục

- Văn hóa: Xá Nhè là xã đa dân tộc (khoảng trên 99,7% là đồng bào dân tộc thiểu số), với 04 dân tộc chính (dân tộc Mông chiếm 87,8%, dân tộc Thái chiếm 6,3%, dân tộc Dao chiếm 3,4%, dân tộc Kháng chiếm 2,2%, dân tộc Kinh chiếm 0,3%) tạo nên một bề dày văn hóa phong phú, đa dạng, mang một bản sắc riêng. Xã Xá Nhè có một lễ hội văn hoá rất đặc sắc của người dân tộc Mông vào tết nguyên đán đang được địa phương lưu truyền và phát triển.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế các hoạt động văn hóa luôn đạt được kết quả tốt. Xã có 15 thôn thì 12 thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Giáo dục: Xã Xá Nhè phát triển ngày càng toàn diện, chất lượng từng bước được nâng lên, mạng lưới trường, lớp ổn định và phát triển hợp lý. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được nâng lên. Thực hiện nghiêm túc việc đổi mới nội dung, chương trình giáo dục; chất lượng giáo dục ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực. Các điểm trường nằm rải trên các thôn bản, nên khó khăn. Mà dù như vậy Xá Nhè vẫn duy trì tốt công tác dạy và học, thực hiện tốt việc sắp xếp quy mô mạng lưới trường lớp học, sáp nhập trường theo đề án của tỉnh. Có đầy đủ trường và lớp học phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh. Ngoài hai trường tiểu học và trung học cơ sở thì trên địa bàn xã Xá Nhè đang cho xây dựng thêm một trường trung học phổ thông.

2.2.3 Cơ sở hạ tầng

** Hệ thống đường giao thông*

Theo quyết định của tỉnh Điện Biên dưới công tác chỉ đạo của xã Xá Nhè và trường thôn các bản tổ chức tu sửa đường giao thông nông thôn trên địa bàn đảm bảo cho việc đi lại thuận tiện, không bị lầy lội trong mùa mưa; tổ chức triển khai kiên cố hóa đường giao thông nông thôn vốn kích cầu 4 bản; bản hẹ 2 với chiều dài là 2,5km chiều rộng là 2m, bản Lịch với Sính Sủ 2 là 2km chỉ tiêu chiều rộng là 1,5m, bản hẹ 1 với tổng chiều dài 2,5km chỉ tiêu chiều rộng là 3m (được thực hiện và hoàn thành tháng 11 năm 2019), với tổng vốn 3,5 tỷ đồng. Ban an toàn giao thông huyện Tòa Chùa thường xuyên kiểm tra và chỉ đạo lực Công an xã thường xuyên tuần tra kiểm soát giữ gìn trật tự an toàn giao thông trên địa bàn xã, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

Mạng lưới kết cấu đường nhựa từ ngã 3 Thị tứ (Quốc lộ 6) trải dài khoảng 35km là đường 129 đi vào trung tâm xã Xá Nhè. tiếp đó vào xã Mường Đun và vòng qua xã Tòa Thành vòng lại.

** Thủy lợi*

Được sự quan tâm của Đảng và nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng kênh mương để lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt cho các hộ nông dân trong xã.

** Hệ thống điện*

Trên địa bàn xã xá nhè có 15 bản thì có điện lưới quốc gia 100%.

** Xây dựng cơ bản:*

- Xây dựng nhà làm việc của Ủy ban nhân dân xã 8,0 tỷ đồng, hệ thống nhà gồm 3 tầng.

- Xây dựng trạm y tế xã 2,5 tỷ đồng.

- Sẵn mặt bằng cho lễ hội cổ truyền của người dân (Dân tộc Mông trong xã diễn ra từ tháng 1 hàng năm đến 15 tháng 1 âm lịch, tổng vốn đầu tư 200 triệu đồng.

- Đang cho xây dựng trường cấp 3 trung học phổ thông.

Nhìn chung các ngành mang lại giá trị kinh tế cho xã có sự biến động rõ rệt qua các năm. Tổng giá trị sản xuất của 3 ngành đang có xu hướng tăng. Tổng giá trị sản xuất năm 2019 đạt 93.560,18 triệu đồng tăng 3,13% so với năm 2018, năm 2018 là 90.719,38 triệu đồng tăng 1,08% so với năm 2017 là 89.747,02 triệu đồng. Tình hình phát triển kinh tế tại xã Xá Nhè.

2.2.4. Tình hình y tế

- Y tế xã được Đảng và Nhà nước quan tâm, xây dựng trạm xã và các trang thiết bị đầy đủ phục vụ cho khám chữa bệnh cho nhân dân. Mạng lưới Y tế từ xã đến bản thường xuyên được củng cố và kiện toàn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc đầy đủ, kịp thời cho người dân. Kết quả cụ thể năm 2019 như sau:

Tổng khám: 6840 lượt bệnh nhân.

+ Tổng số lượt kê đơn: 1977 lượt. Tổng số lượt khám tư vấn là 1100 lượt. Chuyển tuyến 376 lượt bệnh nhân. Tổng số lượt điều trị nội trú là 8 bệnh nhân. Làm tốt công tác Y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

+ Tổng số trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ gồm 87 trẻ. Tiêm sởi, rubella là 89 trẻ, tiêm DPT 18 tháng mũi gồm 94 trẻ. Trẻ em dưới 5

tuổi là 619, tỷ lệ suy dinh dưỡng là 57,3%.

- Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em giai đoạn 2017-2019 đảm bảo kế hoạch. Từ đầu năm đến nay cấp thẻ BHYT cho người dân đầy đủ theo đúng quy định.

2.2.5. Tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã Xá Nhè.

Những năm gần đây, thực hiện việc đổi mới nền kinh tế xã hội xã Xá Nhè đã đạt được những thành tựu đáng kể. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Nền kinh tế của xã tập trung chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gia súc gia cầm. Được sự quan tâm lãnh đạo của cấp trên, của ban thường vụ Đảng ủy, Thường trực hội đồng nhân dân xã Xá Nhè đã đạt được những giá trị sản xuất như sau:

Bảng 2.3 Giá trị sản xuất xã Xá Nhè giai đoạn 2017-2019

DVT: triệu đồng

Chi tiêu	2017	2018	2019	ζlh 2018/ 2017	ζlh 2019/20 18	ζbq
Tổng giá trị sản xuất	89.747,02	90.719,38	93.560,18	101,08	103,13	102,11
Nông nghiệp	47.276,43	46.963,72	48.175,21	100,66	102,57	101,61
Công nghiệp	27.534,97	28.625,89	28.368,05	103,96	99,09	101,52
Thương mại – Dịch vụ	14.935,62	15.129,77	17.016,92	101,23	112,47	106,85
Thu nhập bình quân	14.01	14.16	14.60	101,07	103,10	102,08

Nguồn: UBND xã Xá Nhè

Qua bảng số liệu trên, ta thấy tổng giá trị thu được từ các ngành kinh tế xã Xá Nhè tăng. Năm 2017 Tổng GTSX đạt được là 89.747,02 triệu đồng đến năm 2018 tổng giá trị sản xuất tăng lên 90.719,38 triệu đồng đạt 101,08% so với năm 2017. Sang năm 2019, tổng giá trị sản xuất tăng lên 93.560,8 triệu đồng, tốc độ tăng so với năm 2018 là 103,13%. Có được kết quả như vậy là do có sự chuyển đổi hiệu quả cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn xã làm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong 3 ngành: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thì ta thấy ngành thương mại – dịch vụ là ngành chiếm tỷ trọng thấp nhất qua các năm nhưng lại có xu hướng tăng cao so với 2 ngành còn lại. Cụ thể là năm 2017 là 14.935,62 triệu đồng chiếm 16,64% tổng GTSX, năm 2018 đạt 15.129,77 triệu đồng chiếm 16,68% trong tổng GTSX, năm 2019 đạt 17.016,92 triệu đồng chiếm 18,20% trong tổng GTSX. Tuy nhiên ngành nông nghiệp là ngành chủ đạo, vì người dân trên địa bàn xã Xá Nhè là làm nông nghiệp năm 2017 đạt 47.276,43 triệu đồng chiếm 52,67% tổng GTSX, năm 2019 đạt 48.175,21 triệu đồng chiếm 52,0% tổng GTSX. Đến năm 2019, giá trị sản xuất ngành công nghiệp giảm chiếm 30,32% tổng GTSX, so với năm 30,70%.

Nhìn chung kết quả sản xuất của Xá Nhè qua các năm tăng nhưng chậm, trong thời gian tới cần có những giải pháp thiết thực, hiệu quả để nền kinh tế xã phát triển mạnh hơn.

2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã Xá Nhè.

Thuận lợi:

Hiện nay nhà nước có nhiều chủ trương chính sách ưu tiên đầu tư cho các tỉnh miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xã đặc biệt khó khăn, chương trình đầu tư xây dựng nông thôn mới, đã và đang thực hiện trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã từng bước được hoàn thiện hơn.

Vị trí địa lý của xã có những thuận lợi nhất định trong tiềm năng phát triển kinh tế xã hội, cách trung tâm huyện 15 km nên thuận lợi cho xã giao lưu trao đổi hàng hóa. Khí hậu mát mẻ phù hợp trồng các loài cây: chè, thảo

quả và một số loài cây ăn quả ôn đới. Xã có diện tích khá lớn là điều kiện để chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò, dê...)

Hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, dần dần đáp ứng được nhu cầu sản xuất của người dân.

Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, đặc biệt đối với xã là làm nông nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy hệ thống chính trị luôn được ổn định, tình hình an ninh chính trị được giữ vững trên địa bàn.

Đặc điểm tự nhiên về địa hình, điều kiện khí hậu của xã thích hợp với nhiều loại cây trồng vật nuôi, đây là một trong những điều kiện thuận lợi để Xã Nhè đẩy mạnh phát triển các cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao và sản xuất đa dạng hàng hóa để góp phần đẩy mạnh kinh tế xã hội và giải quyết công ăn việc làm giúp người nông dân thoát khỏi cảnh nghèo đói thiếu thốn.

Bên cạnh xã có 2 mỏ đá sỏi và mỏ đá bản lịch đang được Công ty Hoàng Anh vận hành, khai thác trong 4 năm trở lại đây Công ty đã cho sản xuất gạch từ sản phẩm đá khai thác được, là nơi tạo công ăn việc làm cho nhiều người dân

Khó khăn :

Kinh tế địa phương chủ yếu là kinh tế nông nghiệp thuần túy; nhận thức tư tưởng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nhân dân còn chậm; thời tiết hàng năm có nhiều diễn biến phức tạp: Hạn hán, sâu bệnh xảy ra ở nhiều vụ sản xuất; giá các mặt hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm biến động là những yếu tố tác động ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế xã hội và đời sống của nhân dân.

Cơ sở vật chất tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, trang thiết bị phục vụ công tác chưa đáp ứng được nhu cầu hiện nay, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ đói nghèo còn cao, dân còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước

Do địa hình cao thời tiết diễn biến, thất thường nên ảnh đến sản xuất, nông, lâm nghiệp và chăn nuôi, đặc biệt là trong sản xuất nông, lâm nghiệp,

kết cấu hạ tầng, giao thông thủy lợi động biến, về giá cả thị trường diễn biến phức tạp, tình hình tranh chấp đất đai vẫn phổ biến, Hệ thống suối của xã Xá Nhè có đặc điểm đều bắt nguồn từ các đỉnh núi cao, có độ dốc lớn, do vậy về mùa mưa thường dễ gây lũ đột ngột vào mùa mưa vẫn phải gánh chịu thiệt hại nặng từ thiên tai do lũ quyết và ngạt lụt. Mùa đông trên địa bàn xã rét đậm rét hại nên nhiều gia súc, gia cầm bị chết do lạnh và nhiều dịch bệnh nên còn gây ra nhiều thiệt hại cho các hộ nông dân. Là một xã vùng cao của khu vực Tây Bắc, cũng như nhiều xã khác thường xuyên chịu ảnh hưởng của hiện tượng đông, mưa đá, sương muối...



CHƯƠNG III

THỰC TRẠNG GIẢM NGHÈO TẠI XÃ XÁ NHÈ, HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

3.1 Thực trạng hộ nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 – 2019.

3.1.1. Số lượng hộ nghèo và cận nghèo

Bảng 3.1 cho ta thấy số hộ nghèo trên tổng số hộ có xu hướng giảm xuống. Tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo cao, các bản có hộ nghèo, cận nghèo từ năm 2017 đến 2019 cụ thể như:

Năm 2017 Bản chiếm tỷ lệ nghèo cao nhất là Bản Hẹ 1 có 77/ 88 hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất là 98,7%, Bản hẹ 1 có địa hình chủ yếu là thung lũng và đồi núi đá đất canh tác ít chưa biết cải tạo đất do bạc màu. Sông A1 có 58 hộ nghèo trên tổng 67 hộ chiếm 96,7%, Sính Sủ 2 có hộ nghèo thấp nhất chiếm 59,5% do địa hình bằng phẳng, có đầu nguồn nước lớn, nhiều ao cá thuận lợi trong nuôi trồng thủy sản dễ dàng trong mùa vụ lúa nước của năm và gần trung tâm xã nên Sính sủ 2 chiếm tỷ lệ nghèo thấp hơn so với các bản khác.

Năm 2017 tổng số hộ nghèo chuyển biến theo chiều hướng giảm, bản có hộ nghèo cao nhất là Trung Dù là một trong những bản có hộ khẩu tương đối ít nhưng hộ nghèo trên tổng số hộ lại cao nhất so với 14 bản trong toàn xã, có 93/108 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 93 %. Bản có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất là Sính Sủ 2 chiếm tỷ lệ 45,9%.

Năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn so với 2 năm 2017 và 2018 bản có hộ nghèo cao nhất trên tổng số hộ là Sung A1 59/70 hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất là 89,4%.

Nguyên nhân chung xã Xá Nhè chủ yếu là địa hình đồi núi cao, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào trong canh tác sản xuất, địa hình đồi núi giao thông đi lại khó khăn thường xảy ra sạt lở, trong sản xuất thường xuyên xảy ra lũ quét, thiếu nguồn nước, trình độ dân trí thấp còn chưa biết cách trong phòng chống dịch gia súc gia cầm, còn tồn tại nhiều tệ nạn xã hội. Qua bảng 3.1 ta thấy tỷ lệ hộ nghèo rất cao trên 70%.

Bảng 3.1 Hộ nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 - 2019

Bản	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		
	Tổng (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phiêng Quảng	65	54	83,1	64	59	90,8	69	56	87,5
Sính Sủ 1	120	91	84,9	119	90	75,0	132	90	75,6
Sính Sủ 2	74	43	59,5	78	34	45,9	79	37	47,4
Pàng Dề A1	107	83	84,7	110	82	76,6	110	74	67,3
Pàng Dề A2	48	39	84,8	51	37	77,1	55	35	68,6
Pàng Dề B	122	86	78,9	122	87	71,3	134	83	68,0
Tĩnh B	115	96	93,2	117	101	87,1	122	100	85,5
Bản hệ 1	88	77	98,7	90	76	86,4	93	77	85,6
Bản hệ 2	42	36	87,5	43	35	83,3	43	33	76,7
Pàng Nhạng	104	82	75,7	110	89	86,4	115	91	82,7
Sông A1	67	58	96,7	66	62	92,5	70	59	89,4
Sông A2	72	63	94,0	73	61	84,7	77	60	82,2
Trung Dù	100	88	81,3	108	93	93,0	115	86	79,6
Bản Lịch 1	74	70	95,9	75	51	69,9	77	46	61,3
Bản Lịch 2	99	83	83,7	99	86	86,9	104	81	81,8
Tổng	1.297	1.049	81,2	1.325	1.043	80,5	1.395	1.008	70,2

(Nguồn: UBND xã Xá nhè)

Bảng 3.2 Hộ cận nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 - 2019

Bản	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		
	Tổng (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phiêng Quảng	65	1	1,54	64	1	1,56	69	9	13,04
Sính Sủ 1	120	2	1,67	119	0	0	132	2	1,51
Sính Sủ 2	74	1	14,86	78	7	9,0	79	7	8,9
Pàng DềA1	107	7	6,54	110	12	10,90	110	16	14,54
Pàng Dề A2	48	2	4,17	51	3	5,9	55	2	3,63
Pàng Dề B	122	0	0,0	122	1	0,82	134	1	0,75
Tĩnh B	115	0	0,0	117	2	1,71	122	9	7,4
Bản hệ 1	88	3	3,4	90	1	1,1	93	10	10,76
Bản hệ 2	42	1	2,4	43	4	9,3	43	6	13,95
Pàng Nhạng	104	1	1,0	110	2	1,82	115	2	1,74
Sông A1	67	2	3,0	66	2	3,03	70	2	2,86
Sông A2	72	6	8,3	73	7	9,6	77	9	11,7
Trung Dù	100	0	0,0	108	5	4,63	115	5	4,45
Bản Lịch 1	74	14	18,9	75	14	18,7	77	9	11,7
Bản Lịch 2	99	1	1,0	99	3	3,03	104	5	4,8
Tổng	1.297	51	3,9	1.325	64	4,83	1.395	94	6,7

(Nguồn: UBND xã Xá nhè)

Qua bảng 3.2 số liệu hộ cận nghèo tại xã Xá Nhè giai đoạn 2017 – 2019 ta thấy tỷ lệ cận nghèo của xã Xá Nhè thấp hơn so với hộ nghèo nhưng lại có xu hướng tăng lên. Năm 2017 tổng số hộ dân cư là 1.297 hộ thì có 51 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 3,9%/ năm. Tăng lên 64 hộ vào năm 2018 chiếm tỷ lệ 4,83%/ năm so với tổng số hộ dân cư và tiếp tục tăng lên 94 hộ cận nghèo vào năm 2019. Chiếm tỷ lệ 6,7%/ năm so với tổng số hộ dân là 1.395.

Nhìn chung số hộ cận nghèo của xã Xá Nhè khá thấp nhưng có xu hướng tăng qua các năm.

3.1.2. Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập:

Bảng 3.3 Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập xã Xá Nhè.

Năm	Tổng số hộ nghèo	Số hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập	Tỷ lệ (%)
2017	1.012	1.006	99,4
2018	1.008	1.005	99,7
2019	987	984	99,7

(Nguồn: UBND xã Xá Nhè)

Qua bảng số liệu hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập, ta thấy tổng số hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập, chiếm tỷ lệ gần như 100% tổng số hộ nghèo. Do điều kiện địa hình thuộc vùng sâu vùng xa, điều kiện sinh sống và làm ăn khó khăn nên thu nhập của người dân Xá Nhè rất thấp.

3.1.3. Hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản





THƯ VIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Bảng 3.4.: Số lượng hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

STT	Năm	Tổng số hộ nghèo	Trong đó số hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số về										Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số so với tổng số hộ nghèo (%)									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	2017	1.012	5	13	212	42	509	580	156	770	59	59	0,3	1,3	20,9	4,2	50,3	57,3	15,4	76	5,8	5,8
2	2018	1.008	2	5	52	9	106	752	17	970	90	55	0.2	0.5	5.2	0.9	10.5	74.6	1.7	96	8.9	5,5
3	2019	987	3	-	70	24	227	916	-	1.123	-	-	0.2	-	5.2	0.9	10.5	74.6	1.7	96	8.9	5.5
Tổng		3.007	10	18	334	75	842	2.248	173	2.863	140	114	0,7	1,8	31,3	6	71,3	206,5	18,8	268	32,6	16,8

(Nguồn : UBND xã Xá Nhè)

Ghi chú: 1: tiếp cận dịch vụ y tế; 2: bảo hiểm y tế; 3: trình độ giáo dục người lớn; 4: tình trạng đi học của trẻ em; 5: chất lượng nhà ở; 6: diện tích nhà ở; 7: nguồn nước sinh hoạt; 8: hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; 9: sử dụng dịch vụ viễn thông; 10: tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.





THƯ VIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

*** Về y tế:** Chỉ số 1 và 2 trên Bảng 3.4. thể hiện sự thiếu hụt về y tế.

Qua Bảng 3.4 ta thấy, số lượng hộ nghèo thiếu hụt về y tế của xã rất thấp. Đến năm 2019, không còn hộ nghèo nào không có bảo hiểm y tế. Nguyên nhân là do: hệ thống y tế của xã trong những năm qua đã được nâng cấp, sửa chữa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân; thêm vào đó, Nhà nước luôn quan tâm đến đối tượng nghèo, người nghèo được cấp bảo hiểm y tế miễn phí.

***Về giáo dục:** Chỉ số 3 và 4 trên Bảng 3.4 thể hiện sự thiếu hụt về giáo dục. Qua Bảng 3.4 ta thấy, số lượng hộ nghèo thiếu hụt về giáo dục ở mức thấp. Đến năm 2019 trình độ giáo dục người lớn giảm còn 70 hộ và giáo dục trẻ em còn 24 hộ. thiếu hụt giáo dục ở trẻ là do các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nằm trong vùng sâu vùng xa ít hộ dân cư sinh sống hoặc một số ít hộ có cả bố hoặc mẹ nghiệp ngập bán hết ruộng đất. Sống trong cảnh nghèo khó không có đủ điều kiện cho con em đi học.

***Về nhà ở:** Chỉ số 5 và 6 trong Bảng 3.4 thể hiện thiếu hụt về chất lượng và diện tích nhà ở, là 1 trong 2 chỉ số thiếu hụt cao nhất. Đi cùng với sự phát triển của xã hội, dân số tăng, thì chỉ số thiếu hụt về chất lượng nhà ở, đơn sơ, thiếu kiên cố tính đến năm 2019 là cải thiện giảm xuống còn 227 hộ, cùng với đó: Thì diện tích nhà ở bình quân/đầu người tăng chỉ số hộ thiếu hụt lên 916 hộ. Nguyên nhân là do dân số tăng lên qua các năm diện tích đất nhà ở càng ngày càng thu hẹp lại.

***Về nguồn nước sinh hoạt, hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh:** Chỉ số 7 và 8 trong Bảng 3.4. Là số lượng hộ nghèo thiếu hụt cao nhất của xã Xá Nhè. Nhưng đến năm 2019 thì nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh đã được các hộ nông dân cải thiện và nâng cấp đạt mức không thiếu hụt. Bên cạnh đó người dân quen với lối sống lối xưa, chưa chịu thay đổi, phần lớn là chưa có đủ điều kiện để xây nâng cấp Hố xí/Nhà tiêu hợp vệ sinh nên dẫn đến tỷ lệ thiếu hụt cao nhất.

***Về sự dụng, tiếp cận dịch vụ viễn thông:** Chỉ số 9 và 10 thể hiện sự thiếu hụt về dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin. Qua Bảng 3.4 ta thấy, số lượng hộ nghèo thiếu hụt của xã thấp. Đến năm 2019 không còn hộ nghèo nào không có tài sản: Điện thoại, Tivi, đài, máy vi tính...

3.1.4. Số lượng hộ nghèo theo các nhóm đối tượng



Bảng 3.5. Số lượng hộ nghèo theo các nhóm đối tượng tại xã Xá Nhè

STT	Năm	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo theo các nhóm đối tượng									
				Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Hộ nghèo về thu nhập		Số hộ nghèo thuộc DTTS		Hộ nghèo thuộc chính sách BTXH		Hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công	
							Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
		1	2	3	4=3/1	5	6=5/3	9	10=9/3	11	12=11/3	13	14=13/3
1	2017	1.297	1.287	1.012	78,1	1.016	99,4	1.012	100,0	38	3,75	3	0,3
2	2018	1.325	1.292	1.008	76,1	1.005	99,7	1.008	100,0	0	0,0	0	0,0
3	2019	1.394	1.361	987	70,81	984	99,7	987	100,0	0	0,0	0	0,0
Tổng		4.016	3.940	3.007	75,0	3.005	99,6	3.007	100,0	38	1,25	3	0,1

(Nguồn: UBND xã Xá Nhè)



Qua bảng số liệu hộ nghèo theo các nhóm đối tượng tại xã Xá Nhè giai đoạn năm 2017 – 2019 ta thấy:

- Nhóm hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 100% tổng số hộ nghèo
- Nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã năm 2017 là 38 là những đối tượng không có khả năng lao động, trẻ mồ côi cha hoặc mẹ, thuộc đối tượng hỗ trợ của nhà nước chiếm tỷ lệ 3,75% ,
- Nhóm hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công là 3 hộ chiếm tỷ lệ rất nhỏ 0,3%.

Qua bảng số liệu ta thấy được tỷ lệ hộ nghèo của xã rất cao xã Xá Nhè là nơi tập trung nhiều dân tộc thiểu số sinh sống đặc biệt là người đồng bào dân tộc mông, thái và 1 số dân tộc khác, địa hình đồi núi cao cộng với những cao nguyên đá, thiếu đất đai, thiếu nguồn nước canh tác là vùng sâu vùng xa điều kiện biệt khó, dân trí thấp là nguyên nhân dẫn đến nghèo đói, khó thoát nghèo.

Cùng với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án, nỗ lực của cấp ủy, chính quyền địa phương và ý chí vươn lên của bà con nhân dân, công tác xóa đói giảm nghèo tại xã Xá Nhè cần đẩy mạnh hơn nữa, góp phần thay đổi diện mạo của xã vùng núi và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn cùng chung tay vào việc giảm nghèo để bà con dân tộc thiểu số cùng thoát khỏi nghèo đói.

3.1.5 Đánh giá chung về công tác giảm nghèo tại xã Xá Nhè qua các năm 2017, 2018 và 2019.

*** Những mặt đạt được:**

Công tác xóa đói giảm nghèo tại địa bàn xã Xá Nhè được thống kê qua bảng số liệu sau:

**Bảng 3.6 Thành tựu và hạn chế đạt được trong công tác giảm nghèo
tại xã Xá Nhè.**

STT	Năm	Tổng số hộ nghèo đầu năm	Diễn biến hộ nghèo trong năm						Số hộ nghèo cuối năm	
			Số hộ thoát nghèo	Tỷ lệ	Số hộ tái nghèo	Tỷ lệ	Số hộ nghèo phát sinh	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
1	2017	1.049	57	5,4	10	1,0	31	3,1	1.012	78,0
2	2018	1.043	91	8,7	0	0,0	41	3,9	1.008	76,1
3	2019	1.008	96	10,3	0	0,0	52	5,2	987	70,8

(Nguồn UBND xã Xá Nhè)

Nhìn vào bảng số liệu 3.6 ta thấy diễn biến hộ nghèo qua các năm có xu hướng giảm. Năm 2017 tổng số hộ nghèo đầu năm là 1.049 hộ giảm còn 987 hộ vào cuối năm 2019 tỷ lệ 70,8%, giảm 7,2% so năm 2017. Số hộ thoát nghèo tăng lên tổng số hộ thoát nghèo năm 2017 là 51 hộ tăng lên 96 năm 2019. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hộ tái nghèo, số hộ nghèo phát sinh. Năm 2017 có 10 hộ tái nghèo và có 52 hộ nghèo phát sinh năm 2019.

Nhìn chung xã Xá Nhè đã đạt được những thành tựu đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo của xã giảm dần qua các năm. Qua số liệu trên cho thấy đã có sự nỗ lực của người dân và chính quyền các cấp trong công tác giảm nghèo. Điều này cho thấy công tác giảm nghèo của xã còn chậm, chưa thực sự hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao, chất lượng giảm nghèo chưa vững chắc chúng ta có thể thấy tuy số hộ thoát nghèo qua các năm đều tăng nhưng số hộ nằm trong hộ nghèo còn cao chứng tỏ một điều là số hộ tái nghèo và số hộ nghèo phát sinh qua các năm còn cao.

Các hộ thoát được nghèo ngoài sự nỗ lực của chính các hộ đó còn sự quan tâm của chính quyền các cấp. Đó là sự cố gắng của những cán bộ làm công tác giảm nghèo. Nguyên nhân để họ thoát nghèo là các chính sách của Nhà nước có hiệu quả như “ thư kêu gọi ngày vì người nghèo” các chương

trình như hỗ trợ gạo, hỗ trợ giống, hỗ trợ vay vốn, từ đó giúp người dân yên tâm sản xuất nâng cao đời sống của mình. Cấp giống cho người nghèo là những công tác tiết thực ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sản xuất của nhân dân làm tăng nguồn thu của họ. Đặc biệt là chương trình hỗ trợ vay vốn tạo điều kiện cho họ có nguồn vốn để sản xuất và phục vụ cho việc sản xuất được tốt hơn. Cần có chính sách thiết thực hơn đối với những hộ vừa thoát nghèo có như vậy thì công tác xóa đói giảm nghèo mới đạt được hiệu quả. Tránh để tình trạng tái nghèo rồi lại rơi vào cảnh nghèo làm cho các hộ nghèo không còn ý chí muốn vươn lên trong cuộc sống, mất niềm tin vào các cấp chính quyền.

Trong 3 năm qua xã Xá Nhè đã chỉ đạo quyết liệt tập chung thực hiện tốt công tác giảm nghèo đã đạt được một số kết quả nhất định đó là:

Công tác phối kết hợp giữa các ngành, các cấp, về thực hiện chương trình giảm nghèo theo nhiệm vụ phân công đã có nhiều cố gắng, nhất là cán bộ chuyên môn đã phối hợp tốt với chi bộ. Ban quản lý các bản trong việc thực hiện giảm nghèo hàng năm.

Xã đã tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách giảm nghèo được thực hiện thường xuyên.

Các chính sách hỗ trợ cho người nghèo đã thực hiện tốt đạt hiệu quả cao như: Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo vay vốn giải quyết việc làm, xây dựng nhà ở; Phối hợp với BHXH cấp phát thẻ BHYT cho các hộ nghèo kịp thời; phối hợp với các cơ quan hữu quan trong huyện và các tổ chức từ thiện, tổ chức khám sức khỏe miễn phí cho người nghèo; thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo theo nghị định 49 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở và chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo...

Chương trình cho vay vốn phục vụ người nghèo, tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tăng cường cải tạo giống cây trồng, vật nuôi..., bên cạnh đó các ban, ngành, đoàn thể của xã cũng đã khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia công tác giảm nghèo như: xóa nhà tạm, xây dựng nhà tình thương...

Người nghèo được cấp thẻ khám, chữa bệnh miễn phí, nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân được đáp ứng kịp thời, người nghèo được hưởng thụ các chính sách của Đảng và Nhà nước, các đối tượng bảo trợ xã hội được trợ cấp hàng tháng theo quy định. Từ những kết quả đạt được cơ bản của bộ mặt nông thôn xã Tân Thành đã có chuyển biến, đời sống vật chất, tinh thần của nhân trong xã nói chung và hộ nghèo nói riêng cơ bản được ổn định, góp phần to lớn trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương, tạo tiền đề thuận lợi cho công tác giảm nghèo trong thời gian tới.

*** Những khó khăn, hạn chế:**

Trong những năm qua mặc dù được sự quan tâm của chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ trong công tác xóa đói giảm nghèo, đã tích cực thực hiện tốt các chính sách chủ trương của nhà nước. Tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ nghèo vẫn còn rất cao, tỷ lệ thoát nghèo hàng năm thấp vẫn còn tình trạng tái nghèo và còn tồn tại những mặt hạn chế sau :

Hạ tầng cơ sở còn thấp kém, thiếu tính bền vững, đặc biệt là giao thông, thuỷ lợi.

Người dân chưa tự giác kê khai thu nhập của gia đình, kê khai không chính xác vẫn muốn mình nằm trong công tác giảm nghèo để hưởng các chính sách của Đảng và Nhà nước về người nghèo, một số còn muốn ỉ lại trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Nguồn hỗ trợ còn yếu kém một số địa phương nhận được rất ít một số hộ nằm trong hộ nghèo nhưng số hỗ trợ cho họ phát triển là ít, nguồn ngân sách vẫn còn tình trạng thất thoát ngân sách, kinh phí được cấp từ trung ương nhưng khi đến tay dân thì số kinh phí không phải là con số thống kê của xã mà phần nào đã thất thoát, do người dân thiếu hiểu biết nên rất thiệt thòi, bao nhiêu nguồn ngân sách cùng với số kinh phí hằng năm đầu tư để giảm nghèo nhưng có nhiều chương trình chỉ được tính bề ngoài thực chất nó còn hạn chế và yếu kém, cần có những cán bộ có tâm huyết quyết tâm vì nhân dân vì sự nghiệp xóa đói giảm nghèo thì những chính sách xóa đói giảm nghèo mới thực sự có hiệu quả ngoài ra còn có thể đề xuất các phương án cụ thể thiết

thực hơn với nhu cầu cần thiết để phục vụ người dân sản xuất từ đó cán bộ lãnh đạo mới có các chính sách hợp lý.

Tình trạng người lao động chưa qua đào tạo, thiếu kiến thức làm ăn vẫn còn nhiều. Ngành nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất cơ bản đối với nền kinh tế nông hộ của xã tuy nhiên hiện nay vấn đề đầu tư cho sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Các nông hộ còn e ngại trong việc đầu tư các giống cây trồng mới, con giống có giá trị kinh tế cao vì lo cho đầu ra sản phẩm.

Vốn hỗ trợ người nghèo còn ít, thời gian ngắn và không đồng đều có hộ xếp vào hộ nghèo nhưng đến nay vẫn chưa được vay vốn để làm ăn, một số hộ thì còn sợ sệt, chưa dám mạnh dạn vay vốn để sản xuất vì sợ vay rồi không có khả năng trả, nhiều hộ vay vốn để sản xuất nhưng khi vay được rồi thì chưa đầu tư sản xuất gì thì đã tiêu dùng gần hết số vốn vay được từ ngân hàng nhiều hộ có đầu tư sản xuất nhưng trình độ và tầm hiểu biết còn kém dẫn đến việc sản xuất không đem lại hiệu quả mà còn bị lỗ vốn còn có thể mất trắng chính vì vậy vốn vay chưa phát huy được hiệu quả.

Công tác khuyến nông còn hạn chế: Đa số người nghèo chưa tiếp cận dịch vụ khuyến nông, phương pháp khuyến nông thích hợp cho người nghèo chưa được triển khai áp dụng

Một số hộ nghèo còn có ý thức chưa cao vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại và chế độ đãi ngộ, chính sách ưu đãi chưa được khắc phục vươn lên để thoát nghèo.

Công tác giảm nghèo của xã trong 3 năm gần đây được các cấp, các ngành quan tâm, cho nên đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của xã vẫn còn cao hơn so với bình quân chung của huyện.

Sản xuất nông nghiệp mặc dù có những đầu tư đáng kể nhưng hiệu quả chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ và sự mong đợi của nhân dân, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tiến hành còn chậm.

Chưa huy động được nhiều sự giúp đỡ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm nên nguồn vốn họ nhận được còn hạn chế. Do ngân sách nhà nước giới hạn nên việc hỗ trợ cho các xã nghèo còn chậm, chỉ mang tính bình quân. Không đáp ứng được những yêu cầu của hộ nghèo cần sự giúp

đỡ. Với đồng vốn giúp đỡ hạn hẹp họ chỉ đủ sống không có tích lũy, lỡ xảy ra thiên tai, dịch bệnh hay các rủi ro khác thì nguy cơ tái nghèo rất lớn.

Trang thiết bị phục vụ cho việc khám chữa bệnh còn hạn chế nên không thể đáp ứng tình hình sức khỏe cho người dân, nhất là hộ nghèo, cận nghèo. Hệ thống thông tin còn yếu kém, chưa rộng khắp, nên việc nắm bắt tin tức về những chính sách xóa đói giảm nghèo của nhà nước đối với họ còn chưa nhiều.

3.2. Các chính sách nhằm giảm nghèo tại xã Xá Nhè.

3.2.1. Chính sách hỗ trợ giống, vật tư sản xuất

- **Hỗ trợ phân bón**

Năm 2018 khối lượng phân bón được hỗ trợ cho các hộ nghèo và cận nghèo. Từ việc được hỗ trợ giống lúa và giống dưa chuột mới, đậu tương, phân bón, nhiều hộ nông dân đã sử dụng đưa vào sản xuất và mang lại rất nhiều kết quả tích cực. Khi năng suất và sản lượng của cả giống lúa và giống ngô mà xã hỗ trợ đều tăng lên đáng kể, chi phí sản xuất cũng giảm đi nhiều, nhiều hộ đã tăng thu nhập từ sản xuất trồng trọt lên. Có những hộ đã sử dụng các giống mà xã giới thiệu để mở rộng diện tích canh tác cho hộ gia đình mình. Các hộ cũng được sự tư vấn và hướng dẫn về kỹ thuật canh tác các giống lúa và ngô mới, qua đó đã thực hiện tốt công tác chăm sóc cây trồng từ đó thu được kết quả. Tuy nhiên thu nhập không tăng lên nhiều, song kết quả của sự hỗ trợ cho người dân là rất cần thiết.

- **Hỗ trợ về con giống**

Trong 3 năm trở lại đây xã Xá Nhè đã được hỗ trợ các giống vật nuôi như gà, trâu, bò, dê sinh sản, cá,... giúp các hộ nghèo có con giống để nuôi, không phải mất chi phí mua, góp phần ổn định cuộc sống cho người nghèo. Nhờ có sự hỗ trợ của nhà nước mà một số bộ phận người nghèo đã tự tin vay vốn thêm để đầu tư trong việc chăn nuôi theo quy mô lớn hơn. Con giống được cấp phát cho một số bản trong xã nên lựa chọn hộ nghèo để hỗ trợ.

Số lượng con giống được cấp phát tùy thuộc vào từng loài, nhưng nhìn chung là số lượng hỗ trợ vẫn còn ít so với nhu cầu.

Tuy nhiên, về cơ bản bà con nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Xá

Nhè vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Theo kết quả tổng điều tra rà soát hộ nghèo, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa hiện có 987 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ gần 70%. Ngoài ra, toàn xã còn 94 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 6,7%. Tỷ lệ hộ nghèo của xã còn cao chủ yếu là do bà con nông dân thiếu đất sản xuất hoặc các diện tích canh tác thiếu nước tưới, phụ thuộc nhiều vào thời tiết nên năng suất và sản lượng bấp bênh. Trong số trên 1.000 hộ của xã chỉ có hơn 300 hộ không thuộc diện nghèo và chủ yếu tập trung tại các bản có ruộng lúa 2 vụ, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Cùng với việc thúc đẩy phát triển các loại cây trồng, bà con nhân dân trong xã tích cực phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm tại gia đình. Trên địa bàn xã đã xuất hiện nhiều mô hình cho thu nhập vài chục triệu đồng/năm như gia đình ông Vàng A Lệnh bản Lịch 1, gia đình ông Vàng A Tú... Hiện đàn trâu bò của xã tăng lên gần 1.800 con, đàn lợn trên 3.000 con, đàn dê gần 1.000 con. Xá Nhè cũng là một trong những xã thuộc vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi của huyện Tủa Chùa. Chính vì vậy, bà con nhân dân có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển đàn gia súc.

- **Hỗ trợ về giống**

Chính sách hỗ trợ về giống, vật tư sản xuất đã tạo điều kiện giúp đỡ cho các hộ rất nhiều về nguồn lực sản xuất. Trong lĩnh vực trồng trọt các hoạt động của chính sách này thu được các kết quả sau:

- Năm 2018: hỗ trợ giống lúa lai và hạt giống dưa chuột cấp không thu tiền cho đối tượng hỗ trợ là hộ nghèo, cận nghèo ở xã.

Trong những năm trở lại đây, cây đậu tương được bà con nông dân xã Xá Nhè phát triển và coi như một loại cây xóa đói giảm nghèo. Một số mô hình trồng thí điểm đậu tương được Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện triển khai tại địa bàn xã đã mang lại hiệu quả thiết thực. Bà con nông dân được chuyển giao khoa học kỹ thuật, từ đó áp dụng vào sản xuất và nhân rộng các mô hình điểm. Hiện nay, Xá Nhè là xã có diện tích trồng đậu tương lớn nhất huyện Tủa Chùa. Năm 2018, tổng diện tích trồng đậu tương trong hai vụ xuân và mùa 160 ha, sản lượng gần 170 tấn. Vụ mùa năm 2018,

bà con nông dân trong xã gieo trồng 70 ha đậu tương, năng suất đạt trên 14 tạ/ha tăng 2 - 3 tạ/ha so với cùng kỳ 2017, sản lượng đạt 100 tấn.

Nhờ sự hỗ trợ của nhà nước mà người dân được hỗ trợ một phần nào đó về chi phí mua giống. Năm 2018 số khối lượng giống hỗ trợ đã tăng lên, nhờ được hỗ trợ giống lúa, giống dưa chuột có nguồn gốc rõ ràng và được kiểm định đã đem lại năng suất hơn cho người nghèo.

3.2.2. Chính sách vay vốn tín dụng, ưu đãi cho người nghèo

Nhóm chính sách tạo điều kiện cho người nghèo ổn định, phát triển sản xuất, việc làm, tăng thu nhập.

* Tín dụng ưu đãi cho người nghèo

Hàng năm UBND xã chỉ đạo các tổ chức đoàn thể nhận ủy thác vay vốn của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, căn cứ vào nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, nguyên nhân là thiếu vốn để phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hộ nghèo tiếp cận vay vốn, thường xuyên giám sát, theo dõi từng hộ sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích hiệu quả.

Bảng 3.7. Hỗ trợ vốn vay cho hộ nghèo giai đoạn 2017-2019

Chỉ tiêu	Số hộ được vay vốn		Vốn	
	Số hộ	Tỷ trọng(%)	Số vốn (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hộ nghèo	1.008	91,47	18.638	84,96
Hộ cận nghèo	94	8,53	3.299	15,04
Tổng cộng	1.102	100	21.937	100

Nguồn: Báo cáo thực hiện chương trình giảm nghèo tại xã

Trong ba năm từ năm 2017-2019, tổng số hộ vay vốn của ngân hàng chính sách là 1.102 hộ, trong đó 1.008 hộ nghèo chiếm 91,47% với tổng số tiền 18.638 triệu đồng, số hộ cận nghèo được vay vốn là 94 hộ chỉ chiếm 8,53%, tổng số tiền được vay của các hộ cận nghèo là 3.299 triệu đồng. Hộ nghèo có hoàn cảnh sống rất khó khăn nên cần được quan tâm trước, hỗ trợ vốn vay là một biện pháp thiết thực giúp các hộ nghèo và cận nghèo có vốn để đầu tư sản xuất và kinh doanh, đảm bảo kinh tế gia đình vươn lên thoát

nghèo.

Trước những khó khăn của xã trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, cấp ủy, chính quyền địa phương xác định trước hết cần phải thay đổi tư duy, tập quán canh tác, sản xuất của đồng bào. Trong đó, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tập trung nỗ lực phát triển sản xuất đảm bảo lương thực tại chỗ. Toàn xã hiện có 300 ha nương và gần 200 ha ruộng lúa nước 1 vụ, trên 30 ha lúa 2 vụ. Tận dụng các diện tích đất sản xuất bà con nhân dân trong xã canh tác 3 loại cây chủ yếu là lúa, ngô và đậu tương. Nhờ sử dụng các giống mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, năng suất và sản lượng các loại cây trồng tăng qua các năm. Nếu như năng suất lúa vụ chiêm xuân 2015 là 45 tạ/ha nay tăng lên 56 tạ/ha; Ngô mùa 2015 đạt 12 tạ/ha nay tăng lên 17 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực toàn xã năm 2018 đạt 1.700 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 378 kg/người/năm. Lương thực không những đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt mà hàng năm bà con nông dân trong xã còn xuất bán ra thị trường gần 590 tấn lương thực các loại. Trong đó có 260 tấn thóc, gần 200 tấn ngô và 130 tấn đậu tương.

Thực hiện chính sách giảm nghèo trong 3 năm qua Đảng bộ và chính quyền xã đã thường xuyên quan tâm và chỉ đạo mọi điều kiện tốt nhất cho người nghèo tham gia mọi hoạt động cũng như tiếp xúc với các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình giảm nghèo nhà nước và các quỹ hội tại địa phương, xã đã tạo mọi điều kiện giúp cho các hộ nghèo có vốn để mở rộng sản xuất, chuyển đổi loại hình kinh doanh và có các nguồn lực để phát triển kinh tế của hộ, từ đó cải thiện thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống và thoát khỏi đói nghèo.

Hình thức và mức vay vốn: Có thể vay một hoặc nhiều lần, tổng mức vay không quá 10.000.000 đồng/hộ, không phải dùng tài sản để bảo đảm tiền vay và được miễn lệ phí làm thủ tục hành chính trong việc vay vốn. Thời hạn vay vốn căn cứ vào chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của hộ vay vốn nhưng tối đa không quá 5 năm.

Mặc dù vậy nhưng với những hộ được tiếp cận vốn vay đã góp phần cải thiện đời sống bà con nông dân thuộc diện khó khăn có thêm vốn, để họ có điều kiện phục vụ cho sản xuất nâng cao thu nhập, giúp họ cải thiện cuộc sống và vươn lên thoát nghèo.

3.2.3. Chính sách hỗ trợ khác

a. Hỗ trợ về giáo dục

Bên cạnh hỗ trợ về cây giống con giống, con em trong xã còn được hỗ trợ về vở, sách giáo khoa và học phí khi đi học ở các cấp học. Hàng năm học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo còn được cấp phát vở viết áo đồng phục, hỗ trợ gạo và tiền. Các thầy cô giáo còn đến nhà những học sinh nghỉ học vì không có điều kiện đi học tiếp để động viên học sinh đến trường. Bên cạnh đó, công tác giải quyết việc làm: đã xác nhận cho lao động đi làm việc ở các nơi trong và ngoài tỉnh.

b. Hỗ trợ y tế

Bên cạnh hỗ trợ về giáo dục, xã Xá Nhè cũng đã có những chính sách hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân trong xã, tuy kinh phí hỗ trợ chưa được nhiều nhưng đây cũng là điều vô cùng tốt đối với các hộ, khi nhiều hộ đã có thể sử dụng thẻ BHYT để đi khám chữa bệnh.

Công tác dân số - GD & TE được quan tâm chỉ đạo và thực hiện tốt. Quy mô dân số ổn định, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên có xu hướng giảm. Tất cả các nhân khẩu hộ nghèo và cận nghèo đều được cấp thẻ BHYT.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được thực hiện tốt. Duy trì được việc tổ chức khám bệnh miễn phí cho Hội viên người cao tuổi và trẻ em. Phối hợp thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, chương trình kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản...Đội ngũ cán bộ Trạm Y tế được biên chế đủ, 100% khu dân cư có y tế thôn bản kiêm cộng tác viên dân số.

Công tác cấp phát thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.8. Kết quả hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ y tế

Chỉ tiêu	Cấp thẻ	
	Số thẻ	Tỷ trọng (%)
Hộ nghèo	6.927	88,85
Hộ cận nghèo	869	11,15
Tổng	7.796	100

Nguồn: Báo cáo trạm y tế xã Xá Nhè

Trong 3 năm, số thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho các hộ nghèo 6.927 thẻ chiếm tỷ trọng 88,85% tổng số thẻ được cấp, hộ cận nghèo được cấp 869 thẻ chiếm tỷ trọng 11,15% trong tổng số thẻ được cấp. Công tác chăm sóc sức khỏe của địa phương được thực hiện đầy đủ, các nhân viên y tế xã có đủ năng lực và nhiệt tình trong khám chữa bệnh.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo tại xã Xá Nhè.

Xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa nằm cách trung tâm thị trấn Tủa Chùa chỉ 10 km, nhưng mấy năm trước đây, để vào được xã phải mất hơn 2 tiếng đi xe máy. Giao thông đi lại tới trung tâm xã và các bản hết sức khó khăn. Hai năm trở lại đây, khi tuyến đường nối các xã phía nam Mường Báng - Xá Nhè - Mường Đun - Huổi Sô được trải nhựa. Giờ đây đi từ huyện Tủa Chùa vào trung tâm Xá Nhè chỉ mất khoảng 15 đến 30 phút, giao thông đi lại thuận tiện, tạo tiền đề quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội cho xã phát triển. Tuy vậy, hiện nay trên địa bàn xã tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao.

Vấn đề nghèo đói là một vấn đề luôn được Đảng và nhà nước ta quan tâm và đưa ra nhiều chính sách giúp giảm thiểu chỉ số nghèo. Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói, không chỉ đơn thuần là nhân tố kinh tế hoặc thiên tai, gây ra. Mà tình trạng nghèo đói ở nước ta có sự đan xen của cái tất yếu lẫn cái ngẫu nhiên, của cả nguyên nhân sâu xa lẫn nguyên nhân trực tiếp, cả khách quan lẫn chủ quan, cả tự nhiên lẫn kinh tế - xã hội. Do đó cần phải đánh giá đúng nguyên nhân, và đề ra giải pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề này.

3.3.1 Nhóm nguyên tố thuộc về điều kiện tự nhiên

Xá Nhè với vị trí địa lý không thuận lợi: xa xôi hẻo lánh, địa hình phức tạp (miền núi, vùng sâu). Do điều kiện địa lý như vậy, họ dễ rơi vào thế bị cô lập, tách biệt với bên ngoài, khó tiếp cận các thị trường giao thương, các

nguồn lực của phát triển, kinh tế chủ yếu là tự cấp, tự túc là những nhân tố khách quan tác động mạnh mẽ đến vấn đề nghèo đói.

Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, thiên tai thường xuyên xảy ra đặc biệt là bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất và đời sống của nhân dân, vào mùa đông thì rét đậm rét hại khiến cho vật nuôi cây trồng bị chết do quá lạnh và sương muối kéo dài. Đất canh tác tuy đa dạng nhưng ít, đất cằn cỗi, ít màu mỡ, canh tác khó, năng suất cây trồng vật nuôi đều thấp. Đây là nguyên nhân dẫn đến sản xuất trong nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, làm cho thu nhập của người nông dân thấp, việc tích lũy và tái sản xuất mở rộng bị hạn chế. Theo các kết quả điều tra, đánh giá nghèo đói có sự tham gia của người dân thì thiếu đất canh tác hay đất đai khó làm ăn cũng là nguyên nhân đáng kể dẫn đến cảnh túng thiếu, các hộ nghèo đói ở vùng núi, hiện nay vấn đề thiếu đất sản xuất lương thực ở nước ta ngày càng mang tính trầm trọng. Nguyên nhân này là do dân số ngày càng đông nhưng đất nông nghiệp thì ngày càng bị thu hẹp làm cho rất nhiều hộ nông dân không đủ điều kiện để sản xuất đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt cũng như thu nhập.

Là xã vùng sâu vùng xa nên thị trường yếu kém chưa đa dạng về nhiều mặt hàng hóa người nông dân còn e ngại về mặt thị trường ngại về mặt tiêu thụ sản phẩm, trong trồng trọt thì kênh mương nguồn nước tưới chưa để cho mùa vụ, nhiều mùa còn bị hạn hán kéo dài, cơ sở hạ tầng (như đường giao thông, điện, trường học, trạm y tế, bệnh viện, bưu điện, chợ huyện...) thị trường (lao động, vốn, hàng hóa) vẫn còn kém phát triển, đặc biệt là nhóm dân tộc thiểu số có ít cơ hội tiếp xúc với dịch vụ và niềm hi vọng mới thay đổi.

Muốn thị trường phát triển, bên cạnh việc thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng cường kinh tế thì việc phát triển giao thông cơ sở hạ tầng có ý nghĩa lớn góp phần nối các thị trường trong nước lại với nhau, thúc đẩy thị trường phát triển tạo điều kiện cho việc hòa nhập vào nền kinh tế thế giới. Tóm lại những vấn đề trên ta thấy người nghèo muốn vượt thoát khỏi tình trạng nghèo đói trước hết phải được tiếp cận với thị trường, tìm giải pháp và tiềm năng giúp

người nghèo có cơ hội cũng như nền để thoát nghèo, trên cơ sở đó mới có thể tham gia vào sự vận động của kinh tế thị trường.

3.3.2 Nhóm nhân tố kinh tế-xã hội

***An ninh, trật tự:**

Trật tự có tác động đáng kể tới các hộ nghèo thực tế cho thấy, tệ nạn xã hội thường đồng hành với nghèo đói. Trên địa bàn xã do có nhiều thành phần dân tộc thiểu số nên còn tồn tại nhiều tệ nạn xã hội nghiêm ngập, trộm cắp còn hoành hành nhiều. Như vậy dễ rơi vào cảnh khốn cùng, khi người nghèo bị mất cắp thì cuộc sống của hộ vốn nghèo lại càng nghèo hơn, vốn đã khốn cùng lại càng cùng cực hơn. Điều này có sự ảnh hưởng không nhỏ đến các hộ nông dân cũng trật tự an của địa bàn xã Xá Nhè.

***Tập quán:**

Phong tục tập quán cũng ảnh hưởng một phần không nhỏ đến lối sống của người dân Xá Nhè, phong lạc hậu được truyền từ đời này sang đời khác khiến họ không chịu thay đổi trong lối sống sản xuất sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội của xã, làm cho tình trạng nghèo đói trở nên nghèo đói hơn, định canh định cư thay cho cải tạo đất khiến họ phải mất nhiều thời gian hơn để gây dựng cơ sở vật chất lại từ đầu, luân canh từ nơi này sang nơi khác, bỏ ruộng đất, chặt phá rừng bừa bãi sẽ làm số phận của người nghèo luôn trong cảnh nghèo đói.

***Quy mô và cơ cấu hộ gia đình.**

Quy mô hộ gia đình của người dân Xá Nhè có ảnh hưởng rất lớn đến tình trạng nghèo đói, trong một gia đình có đông con cái và tuổi còn nhỏ sẽ gánh nặng cho bố mẹ, điều này khiến họ gặp khó khăn trong làm ăn khó thoát ra khỏi cảnh nghèo đói và đông con như vậy sẽ phát sinh ra nhiều chi tiêu trong đời sống sinh hoạt, không điều kiện nuôi ăn học, đầu tư tương lai cho con cái trong cảnh bế tắc họ sẽ đi vay mượn mắc nợ lúc này họ đã nghèo còn nghèo khó hơn.

***Nhóm nhân tố giáo dục.**

Ở trong nhiều bản làng của Xã Nhè còn tồn tại nhiều hộ gia đình theo đạo trái (Đạo vàng trừ hay còn được gọi là đạo tiên lành). Người nghèo thường có trình độ học vấn tương đối thấp, thiếu kỹ năng làm việc và thông tin, thiếu kinh nghiệm sản xuất, không có kinh nghiệm làm ăn, cho nên không có được giải pháp để tự thoát nghèo. Dân trí thấp, tự ti, kém năng động, lại không được hướng dẫn cách thức làm ăn, đây là nguyên nhân làm cho nhiều hộ rơi vào cảnh đói nghèo triền miên, đặc biệt là các hộ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc miền núi, ít người, ít có cơ hội tiếp xúc với nhiều cái mới.

3.4. Một số giải pháp nhằm góp phần giảm nghèo tại xã Xã Nhè.

Là xã nghèo của huyện nghèo tỉnh Điện Biên nên còn nhiều khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ở trong tình trạng sản xuất nhỏ, năng suất chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu kinh tế trong vùng; khả năng tài chính về nguồn lực tại xã đầu tư cho phát triển kinh tế còn hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển KT-XH vẫn còn gặp khó khăn, thiếu thốn; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, nên khả năng tích lũy vốn của người dân còn thấp dễ dàng tái nghèo trở lại.

Vì vậy muốn xóa được đói giảm nghèo, thì cần giải quyết triệt để những nguyên nhân gây ra đói nghèo, cần phải có chính sách hỗ trợ người nghèo để họ có thể vươn lên thoát nghèo, do vậy để XDGN cần áp dụng một số giải pháp sau:

3.4.1. Giải pháp chung

a. Nhóm giải pháp thực hiện quan điểm nhận thức.

- Làm tốt công tác tác tổ chức của Đảng, Đoàn thể, cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội. Người nghèo thì nhận thức rõ ý nghĩa của chương trình XDGN cùng nhau phát triển kinh tế làm giàu chính đáng.

- Xã Xã Nhè tuyên truyền, nâng cao nhận thức hơn nữa về công tác XDGN để có kế hoạch thực hiện chương trình XDGN chi tiết, cụ thể, đúng đối tượng để hộ nghèo sớm vượt qua đói nghèo, phấn đấu để làm giàu bằng

sức lực, tiềm năng của từng hộ.

b. Nhóm giải pháp thuộc về tổ chức thực hiện.

- Kiện toàn về tổ chức, nâng cao vai trò, trách nhiệm hiệu quả của ban chỉ đạo XDGN cấp xã, thực hiện tốt hơn nữa chức năng nhiệm vụ mà Đảng, chính quyền phân công trong công tác XDGN.

- Thực hiện tốt chính sách định canh, định cư, xây dựng các cơ sở chế biến nông sản thu hoạch, tăng cường thu nhập và cung cấp thông tin về giá cả, thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Chính sách tín dụng đối với người nghèo: Tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với hệ thống tín dụng chính thức thay thế cho ngân hàng phục vụ người nghèo để kích thích người nghèo thi đua sản xuất bình đẳng. khuyến khích khen thưởng hộ nghèo cận nghèo có thành tích xuất sắc.

c. Nhóm các giải pháp tăng cường năng lực thực hiện.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, mở lớp dạy nghề, làm công tác XDGN, thực hiện quyết định định của thủ tướng chính phủ về tăng cường đội ngũ cán bộ cho xã làm công tác XDGN, để từ đó khắc phục những tồn tại, bổ sung hoàn thiện cơ chế chính sách và đúc kết kinh nghiệm.

- Động viên, làm công tác tư tưởng để người định hướng và có ý trí phấu đầu thoát nghèo, nguồn lực tại chỗ của nhân dân các cấp, các ngành, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội và các xã tham gia đóng góp thực hiện chương trình.

- Nâng cao trách nhiệm, tính chủ động linh hoạt của các chủ dự án từ việc xây dựng kế hoạch, thực hiện dự án đến việc huy động nguồn vốn và triển khai thực hiện nguồn vốn.

- Huy động tối đa các nguồn lực từ việc lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư khác trên địa bàn xã Xá Nhè.

3.4.2 Giải pháp cụ thể

3.4.2.1 Giải pháp về vay vốn, tín dụng cho hộ nghèo

Qua thực tế nguyên nhân dẫn đến nghèo thiếu vốn sản xuất chiếm tỷ lệ cao. Vì vậy trong thời gian tới cần tăng cường nguồn vốn và đầu tư cho vay có trọng tâm, trọng điểm, kiểm soát chặt chẽ, phát huy vai trò trách nhiệm của ban chỉ đạo giảm nghèo của xã trong công tác phối hợp với các Ban ngành đoàn thể xã Ban quản lý các xóm theo dõi, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn vay của các hộ nghèo từ đó sớm phát hiện và điều chỉnh ngay những phương án hoặc những hộ sử dụng nguồn vốn không có hiệu quả.

Nâng cao dân trí cho người nghèo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nghèo được đi học, tạo nhiều điều kiện thích hợp cho các hộ nghèo phát triển kinh tế, tự vươn lên xóa đói giảm nghèo để được hướng dẫn cách làm ăn, không tiêu pha lãng phí, tự vươn lên xóa đói giảm nghèo.

Cần nâng cao số vốn cho vay và thời gian cho vay để họ yên tâm sản xuất đầu tư vào lĩnh vực thời gian dài hơn. Nhóm hộ này nên mạnh dạn vay vốn từ các tổ chức tín dụng dành cho hộ nghèo để đầu tư cho sản xuất và không ngừng học hỏi kinh nghiệm sản xuất của các nhóm hộ làm ăn giỏi. Đối với các hộ nghèo khi cho vay vốn thì phải tư vấn cách thức làm ăn cho họ, tránh để họ vay vốn sử dụng sai mục đích, nguồn vốn cho vay không hiệu quả. Ban ngành toàn xã và ban quản lý các xóm cần theo dõi, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn vay của các hộ nghèo từ đó sớm phát hiện và điều chỉnh ngay những phương án hoặc những hộ sử dụng không hiệu quả.

3.4.2.2 Giải pháp về khoa học kỹ thuật

Tăng cường cán bộ mở các lớp tập huấn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo đưa giống mới, giống có năng suất chất lượng cao, cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho từng hộ hoặc một nhóm hộ có khả năng sản xuất tốt để các hộ khác làm theo. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng khu vực, đồng thời nhân rộng các quy mô sản xuất có hiệu quả kinh tế cao.

Hỗ trợ sản xuất tập trung vào hỗ trợ trồng cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc; giao đất, giao rừng cho người dân gắn với phát triển và bảo vệ rừng, điều chỉnh các chính sách về giữ rừng, bảo vệ rừng; hỗ trợ lương thực, giống, khuyến nông, đào tạo nghề, lãi suất cho vay phát triển sản xuất; hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn khó khăn và thu hút lao động tại chỗ gắn với hỗ trợ đào tạo nghề thông qua doanh nghiệp.

Hỗ trợ các dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch, bảo hiểm y tế, giáo dục, tiếp cận thông tin, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

3.4.2.3 Giải pháp về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo và thực hiện lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Cùng với nguồn đầu tư từ ngân sách, cần huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng; khuyến khích sự nỗ lực của người nghèo, hộ nghèo.

- Tập trung các nguồn lực cho xây dựng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng phục vụ tốt cho việc đi lại và vận chuyển nông sản.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi. Thủy lợi là một trong những khâu then chốt quyết định đến năng suất cây trồng, chất lượng sản phẩm, nếu tháo gỡ được khâu tưới tiêu sẽ tạo ra cơ hội để từ đó giải quyết một lúc 2 vấn đề lớn: nâng dần hộ đồng đều về năng suất, tăng sản lượng chung trong vùng và giúp các hộ nghèo đói không có vốn đầu tư cho việc bơm nước tưới tiêu, mua vật liệu tự cải tạo đất.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân nói chung và đặc biệt các hộ nghèo nói riêng nhằm giúp họ nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng. Nhà nước, của tỉnh, huyện đối với việc thực hiện công tác giảm nghèo trong giai đoạn tới. Tuyên truyền động viên, vận động các hộ nghèo tự lực, tự cường nâng cao ý thức cố gắng nỗ lực không trông chờ ỷ lại vào xã hội bằng cách vượt qua khó khăn vươn lên thoát nghèo. Các hoạt động tuyên truyền cần thực hiện qua các hướng sau;

Sử dụng các phương tiện truyền thông thông tin đại chúng như; truyền hình, báo, đài phát thanh đại phương làm thay đổi dần về nhận thức cách nghĩ, cách làm nhằm từng bước nâng cao dân trí cho nhân dân trong toàn xã, nhất là vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cổ động cho phong trào đổi mới tư duy, đổi mới phương thức làm ăn và hướng dẫn cách thoát nghèo, làm giàu chính đáng, chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới.

3.4.2.4 Giải pháp thị trường

Để đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân cần nghiên cứu phát triển thị trường, đặc biệt là thị trường nội địa. Trong những năm tới cần quy hoạch xây dựng các chợ nhằm phát triển thị trường nông sản cho nông dân, tìm kiếm tiềm năng để thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ.

3.4.2.5 Giải pháp về việc làm

Vì đặc điểm cơ cấu kinh tế của xã chủ yếu là SXNN, lại mang tính mùa vụ nên khoảng thời gian nông nhàn là rất nhiều. Do đó, cần khảo sát để kêu gọi đầu tư phát triển các tiềm năng mà địa bàn xã có mà vẫn chưa được khai thác để tạo lao động tại chỗ cho người dân trên địa bàn, hỗ trợ học nghề để người lao động có kinh nghiệm trong sản xuất cũng như đi lao động ở nơi khác, khuyến khích định hướng cho người lao động những công việc phù hợp có thu nhập vào các khoảng thời gian không có việc làm, nhàn dỗi sau mùa vụ. Mở các lớp học nghề cho lực lượng thanh niên phát triển kinh tế ngay trong xã như sửa chữa xe máy, may, cơ khí, hàn xì,... họ có thể làm ngay tại xã hoặc tìm việc tại các khu công nghiệp.

3.5. Kiến nghị

a. Đối với nhà nước

Nhà nước cần có chủ trương, đường lối đúng đắn để hỗ trợ cho các hộ nông dân, hạn chế rủi ro trong vấn đề sản xuất nông nghiệp, thiên tai hoặc giá cả nông sản thấp. Cần thường xuyên kiểm tra, xúc tiến công tác XDGN tại địa phương.

Cần có chủ trương mở rộng thị trường đầu tư vào cho nông dân sản

xuất, cần xác định chuẩn mực quốc gia thống nhất nghèo đói.

Hoàn thiện chính sách xã hội nông thôn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, giúp XDGN.

b. Đối với tỉnh

Tỉnh cần có cơ chế, nguồn lực cần thiết và có chính sách phù hợp với thực tiễn của từng vùng, từng khu vực có như vậy chương trình mới có tính khả thi và thiết thực.

Tỉnh cần xác định trọng điểm đầu tư tập trung cho XDGN. Ngoài các xã đặc biệt khó khăn cần bổ sung thêm các xã vùng sâu vì thực tế những xã này phần lớn là rất nghèo và khó khăn.

Tỉnh cần khuyến khích có chế độ ưu đãi đối với các hoạt động góp phần tạo việc làm, tham gia XDGN. Trong tổ chức thực hiện phải xác định rõ cơ quan chủ trì và phân quyền hạn tương ứng để đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ, đồng thời phải có cán bộ có năng lực và điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Tỉnh nên hỗ trợ nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách tại chỗ thực hiện công việc này tại cơ sở, như vậy nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo mới có hiệu quả.

Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp Ủy, Đảng, Chính quyền từ tỉnh đến cơ sở về hoạt động XDGN hàng năm.

Cần quan tâm hơn nữa các hộ thuộc diện chính sách, bởi vì khả năng tự vươn lên thoát nghèo là rất khó khăn nên chủ yếu là cần sự hỗ trợ của tỉnh.

Sở kế hoạch và đầu tư phối hợp trực tiếp với các ban ngành có liên quan và ban chỉ đạo XDGN để giao kế hoạch cụ thể đầu tư cơ sở hạ tầng cho xã.

c. Đối với xã Xá Nhè.

- Cần phát huy nội lực trong việc thực hiện chương trình XDGN nó là yếu tố quyết định trong việc thực hiện thành công hay thất bại của chương trình XDGN mà tỉnh đã thực hiện trong thời gian qua. Đồng thời xã cũng có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút các nguồn hỗ trợ của bên ngoài như: hỗ

trợ của các tổ chức quốc tế, nhà nước, các doanh nghiệp,.. Đây là nguồn lực quan trọng trong công tác xóa đói giảm nghèo.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đối với công tác giảm nghèo bền vững. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc về các đoàn thể, sự tham gia của người dân trong công tác tuyên truyền, vận động nhằm chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên thoát nghèo của các hộ nông dân.

d. Từ phía xã hội huyện, tỉnh

- Quan tâm hỗ trợ hơn nữa nguồn lực cả vật chất và tinh thần để đẩy mạnh hoạt động XDGN của xã.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, các hoạt động chuyển giao KH-KT cho bà con trong xã.

- Các ban chỉ đạo XDGN từ huyện đến xã phải thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện các dự án nhằm XDGN đạt hiệu quả cao.

- Có chế độ khen thưởng cho những hộ dân có mô hình làm kinh tế đạt hiệu quả và đã vươn lên thoát nghèo.

e. Đối với các hộ nghèo

- Luôn luôn chủ động, tích cực và không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ cho bản thân.

- Chủ động và có phương pháp làm ăn sao cho có hiệu quả, mạnh dạn mở rộng đầu tư và áp dụng KH-KT vào sản xuất để tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình, luôn nghe ngóng thông tin, tham gia các chương trình chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước được triển khai tại địa phương.

- Tích cực tham gia các chương trình khuyến nông, khuyến lâm để có cơ hội học hỏi và có kinh nghiệm làm giàu.

KẾT LUẬN

Giảm nghèo là một vấn đề luôn được sự chú ý của của tất cả các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là trong thời kì toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Mặc dù còn có sự nhìn nhận khác nhau nhưng vẫn ở tầm vĩ mô trên thế giới và quốc gia đã có sự thống nhất cho chương trình hành động chống đói nghèo trong quá trình phát triển bền vững .

Khóa luận đã hệ thống được một số lý luận cơ bản về kinh tế hộ nông dân, giảm nghèo cho hộ nông dân. Nêu được thực trạng nghèo và giảm nghèo trên địa bàn xã Xá Nhè.

Là xã thuộc tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Việt nam tài nguyên và khí hậu chưa thực sự phục vụ tốt được cho nhu cầu phát triển nhưng người dân luôn lạc quan, chăm chỉ, chịu khó và có ý chí vươn lên trong cuộc sống luôn tìm cách để phát triển kinh tế của mình. Kết quả giảm nghèo thời gian qua ở xã là đáng ghi nhận nhưng tỷ lệ nghèo còn cao nên công cuộc giảm nghèo cần các cấp ban ngành quan tâm trong thời gian tới.

Qua nghiên cứu thấy nguyên nhân dẫn đến nghèo tại xã, các thôn, các bản trong xã cho thấy, nghèo tại xã Xá Nhè có rất nhiều nguyên nhân như sau: Không có kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất: Lao động không có việc làm thường xuyên; Mắc tệ nạn xã hội (nghiện hút, trộm cắp...). Bên cạnh đó do điểm xuất phát thấp, địa hình phức tạp, thiên tai lũ lụt, hạn hán thường xảy ra; đồng ruộng bạc màu, nghèo dinh dưỡng; năng suất cây trồng thấp, trong khi hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh chủ yếu dựa vào nước mưa. Trình độ dân trí chưa cao, nguồn vốn trong dân dành cho sản xuất hàng hóa còn ít, nông dân chưa thích ứng được với lối sống sản xuất hàng hóa, chưa có cơ sở chế biến nông sản. Công nghiệp, dịch vụ, du lịch phát triển còn chậm chưa phát huy hết tiềm năng của địa phương. Cơ sở hạ tầng còn chưa đầu tư đầy đủ, chưa có chính sách thích hợp thu hút đầu tư. Lực lượng lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao, Thiếu đất sản xuất, thiếu vốn đầu tư.

Cùng với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án, nỗ lực của cấp ủy, chính quyền địa phương và ý chí vươn lên của bà con nhân dân, công tác xóa đói giảm nghèo tại xã Xá Nhè đã gặt hái được những thành công nhất định. Trong công tác giảm nghèo do đó, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo có xu hướng giảm qua 3 năm. Qua đó một số giải pháp đã được đưa nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của xã trong thời gian tới; góp phần thay đổi diện mạo của xã vùng núi và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định số 59/2015/ QĐ –TTg ngày 19/11/2015 về việc ban hành chỉ tiêu và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 -2020.*
2. UBND xã Xá Nhè(2017)*Báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2017và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2018, xã Xá Nhè*
3. UBND xã Xá Nhè (2018), *Báo cáo kết quả công tác chương trình giảm nghèo năm 2018 phương hướng nhiệm vụ năm 2019, xã Xá Nhè*
4. UBND xã Xá Nhè (2017), *Báo cáo kết quả hộ nghèo từng xóm của xã,Xá Nhè*
5. UBND xã Xá Nhè (2018), *Báo cáo kết quả hộ nghèo từng xóm của xã, Xá Nhè*
6. UBND xã Xá Nhè (2019), *Báo cáo kết quả hộ nghèo từng xóm của xã Xá Nhè*
- 7.UBND xã xá nhè (2017,2018,2019), *Ban dân số xã xá nhè, Văn phòng thống kê xã xá nhè.*
- 8.UBND xã xá nhè (2019), *Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, Địa chính xã xá nhè.*
9. UBND xã xá nhè (2019), *Báo cáo tổng kết chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2017-2019.*
10. Trịnh Quang Thoại(2019), *Giáo trình môn phương pháp nghiên cứu kinh tế*, NXB Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội.

